



**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

THÁNG 03 NĂM 2016

VÙNG TÂY NGUYÊN

Hà Nội, 04/2016

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến mực nước	3
I.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q).....	3
I.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})	7
I.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I).....	11
I.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)	15
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh	20
II.1. Tỉnh Kon Tum	20
II.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	20
II.1.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	20
II.1.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	22
II.2. Tỉnh Gia Lai.....	24
II.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	24
II.2.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	26
II.2.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	27
II.2.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	29
II.3. Tỉnh Đắk Lắk.....	31
II.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	31
II.3.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	32
II.3.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	33
II.3.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	35
II.4. Tỉnh Đắk Nông.....	36
II.4.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	36
II.4.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	37
II.4.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	38
II.5. Tỉnh Lâm Đồng.....	40
II.5.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	40
II.5.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	41
II.5.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	42

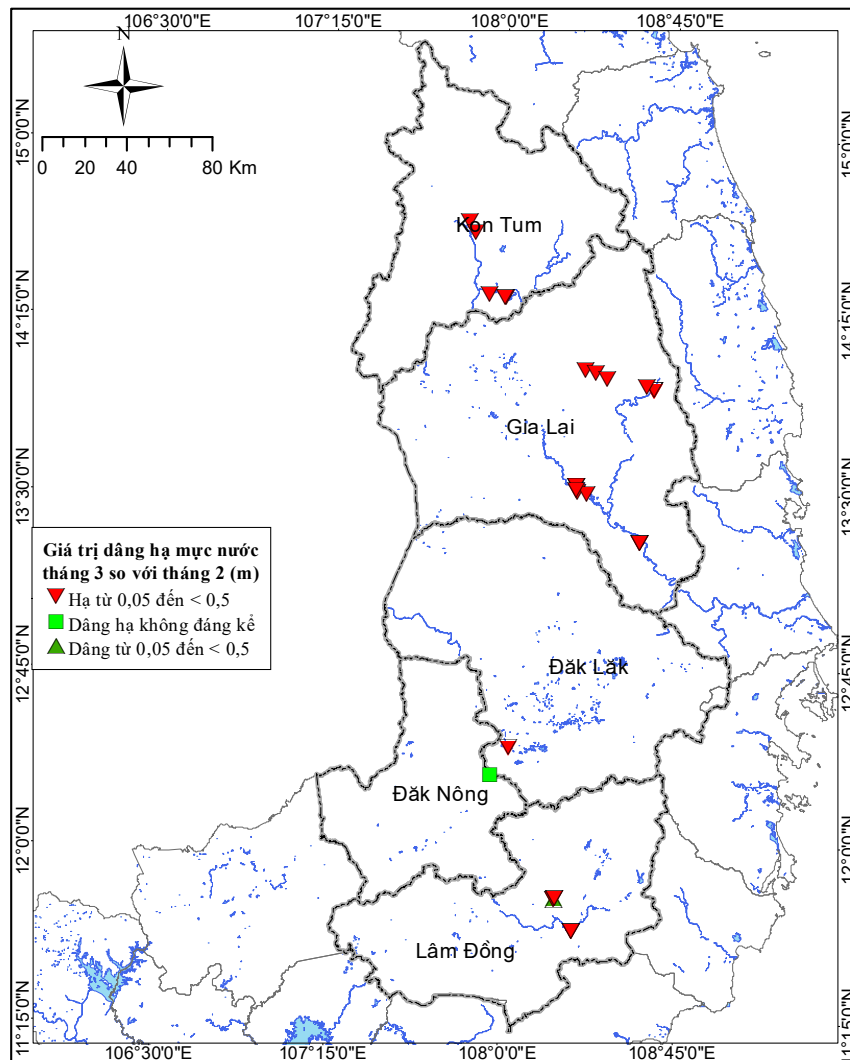
Vùng Tây Nguyên gồm có 4 tầng chứa nước chính. Theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I) và tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng via các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).

Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích và đánh giá để dự báo cho tháng 3, 4 năm 2016. Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Tổng quan diễn biến mực nước

I.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 3 năm 2016 so với giá trị trung bình tháng 2: mực nước có xu thế hạ là chính. Giá trị hạ thấp nhất là 0,49m tại Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T) và giá trị dâng cao nhất là 0,23m tại Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đông (LK117T).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng Q

Trong tháng 3: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 9,82m tại Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,08m tại Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T).

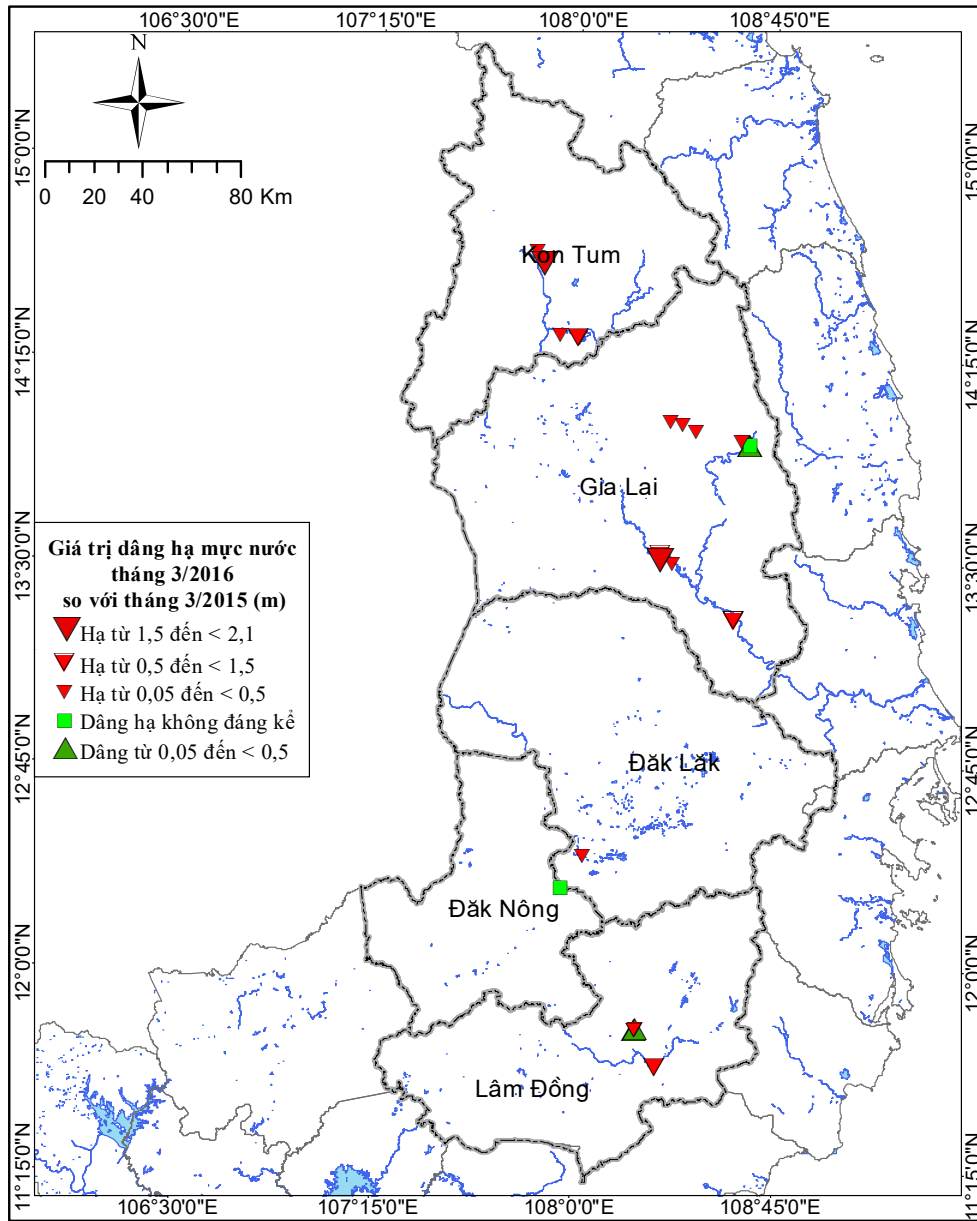
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 1, 2 và các hình 2, 3 và 4. Đây là thời kỳ khô hạn, mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 2,08m; 2,18m và 2,17m, tại Đắk Tô-Kon Tum, Krông Pa-Gia Lai và Phú Thiện-Gia Lai.

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

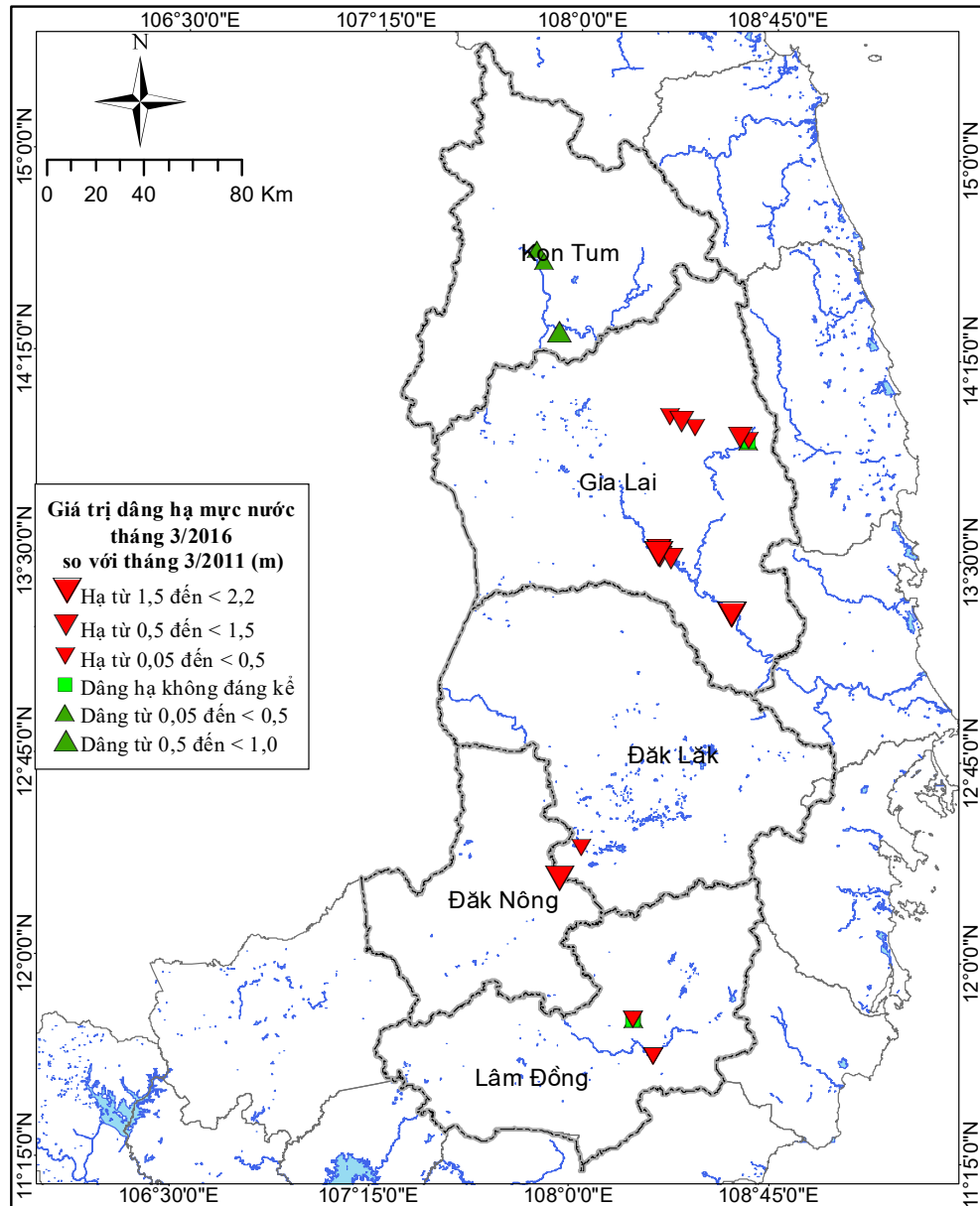
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 3 năm 2016	9,82	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	1,08	Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T)
1 năm trước (2015)	9,31	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,84	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK132T)
5 năm trước (2011)	9,47	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,65	Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T)
10 năm trước (2006)	9,27	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,81	Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T)

Bảng 2. Diễn biến mực nước TB tháng 3 so với cùng thời điểm các năm trước

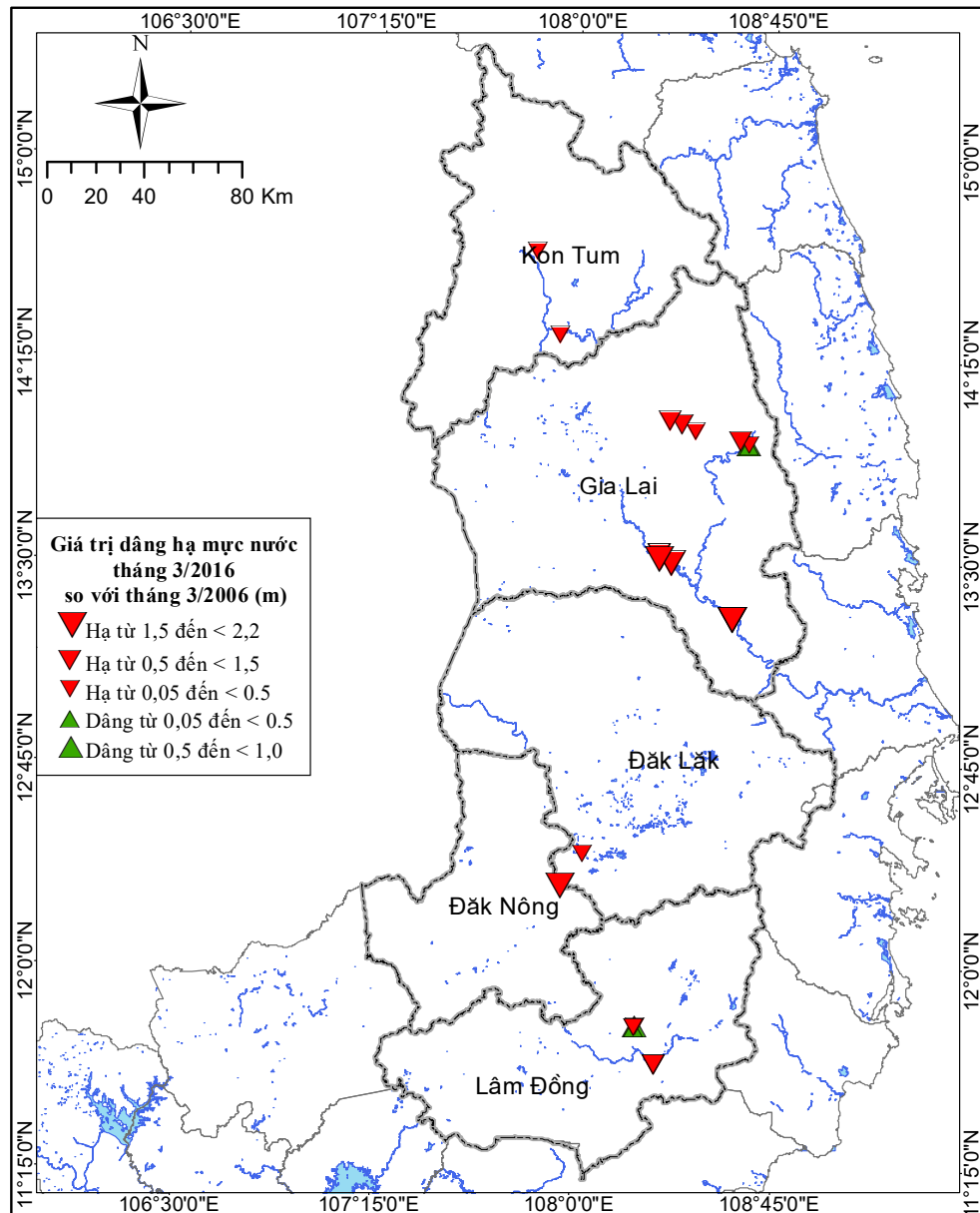
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	2,08	Diên Bình-Đắk Tô-Kon Tum (LK136Tm1)	0,25	Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK117T)
5 năm trước (2011)	Hạ	2,18	Ia RSưon-Krông Pa-Gia Lai (LK32aT)	0,61	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK132T)
10 năm trước (2006)	Hạ	2,17	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7a)	0,69	TT.An Bình-TX.An Khê-Gia Lai (LK18T)



Hình 2. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ năm trước



Hình 3. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 5 năm trước

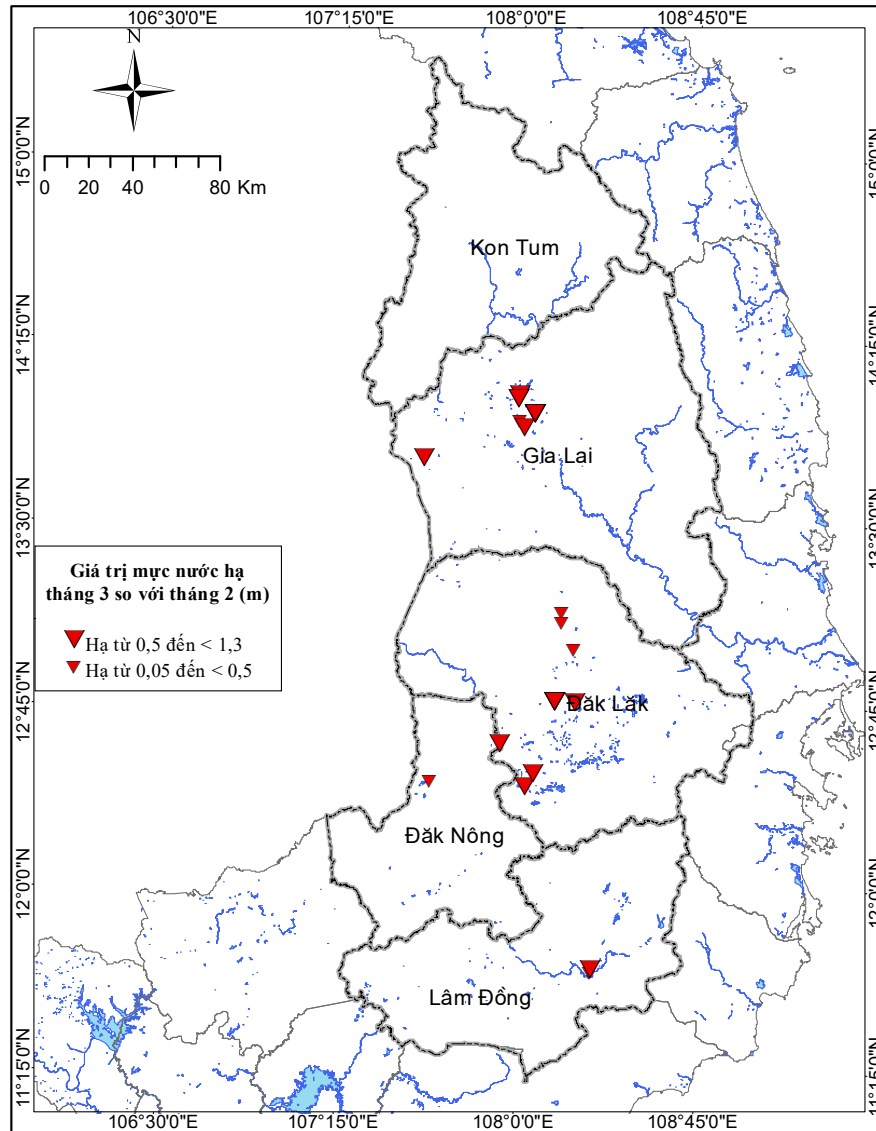


Hình 4. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 10 năm trước

I.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hồng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 3 năm 2016 so với giá trị trung bình tháng 2: mực nước có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 1,29m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b).

Trong tháng 3: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 27,45m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,83m tại Biển Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T).



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng β_{QII}

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 3, 4 và các hình 6, 7 và 8. Đây là thời kỳ khô hạn, mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 2,58m; 2,61m và 3,50m, tại TP.Pleiku-Gia Lai; Cư M'gar-Đăk Lăk và Ea H'leo-Đăk Lăk.

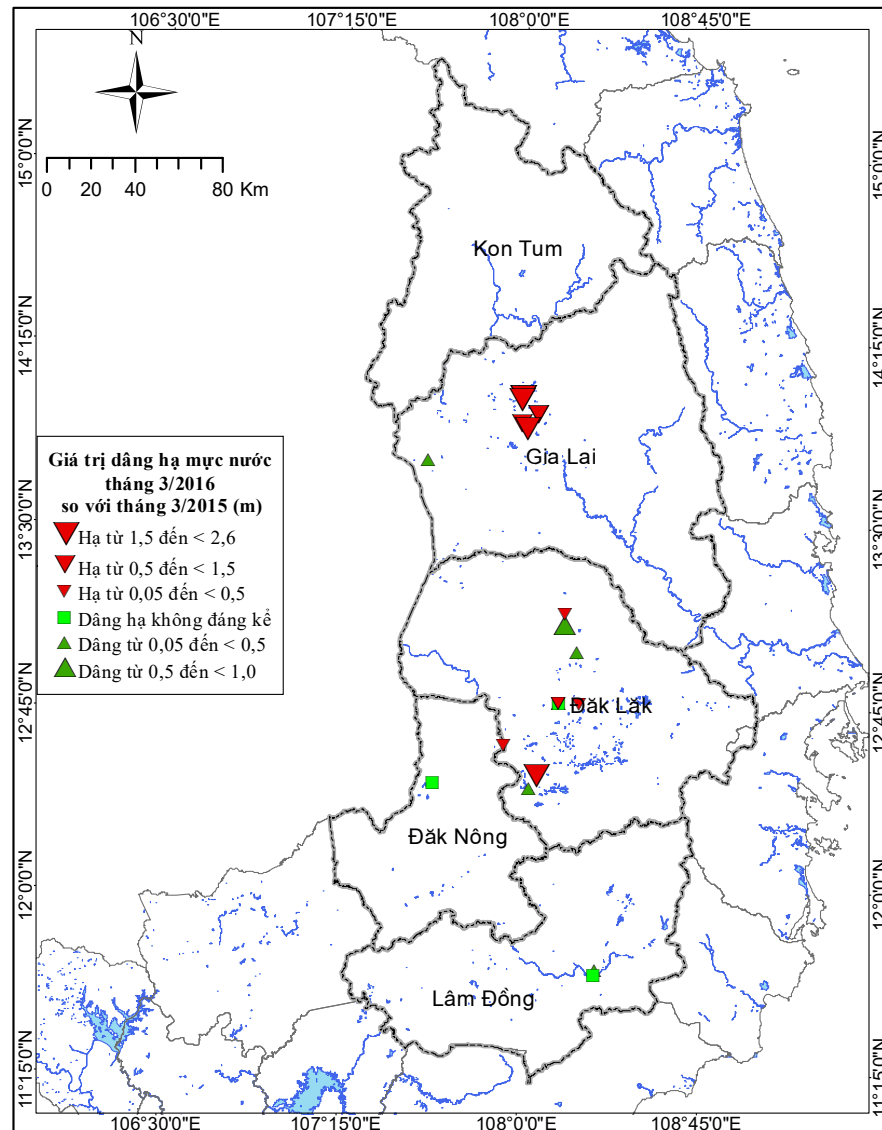
Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 3 năm 2016	27,45	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	2,83	Biên Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T)
1 năm trước (2015)	24,87	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	1,20	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)
5 năm trước (2011)	28,36	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	3,15	P. Hội Phú-TP.Pleiku-Gia Lai (LK64T)

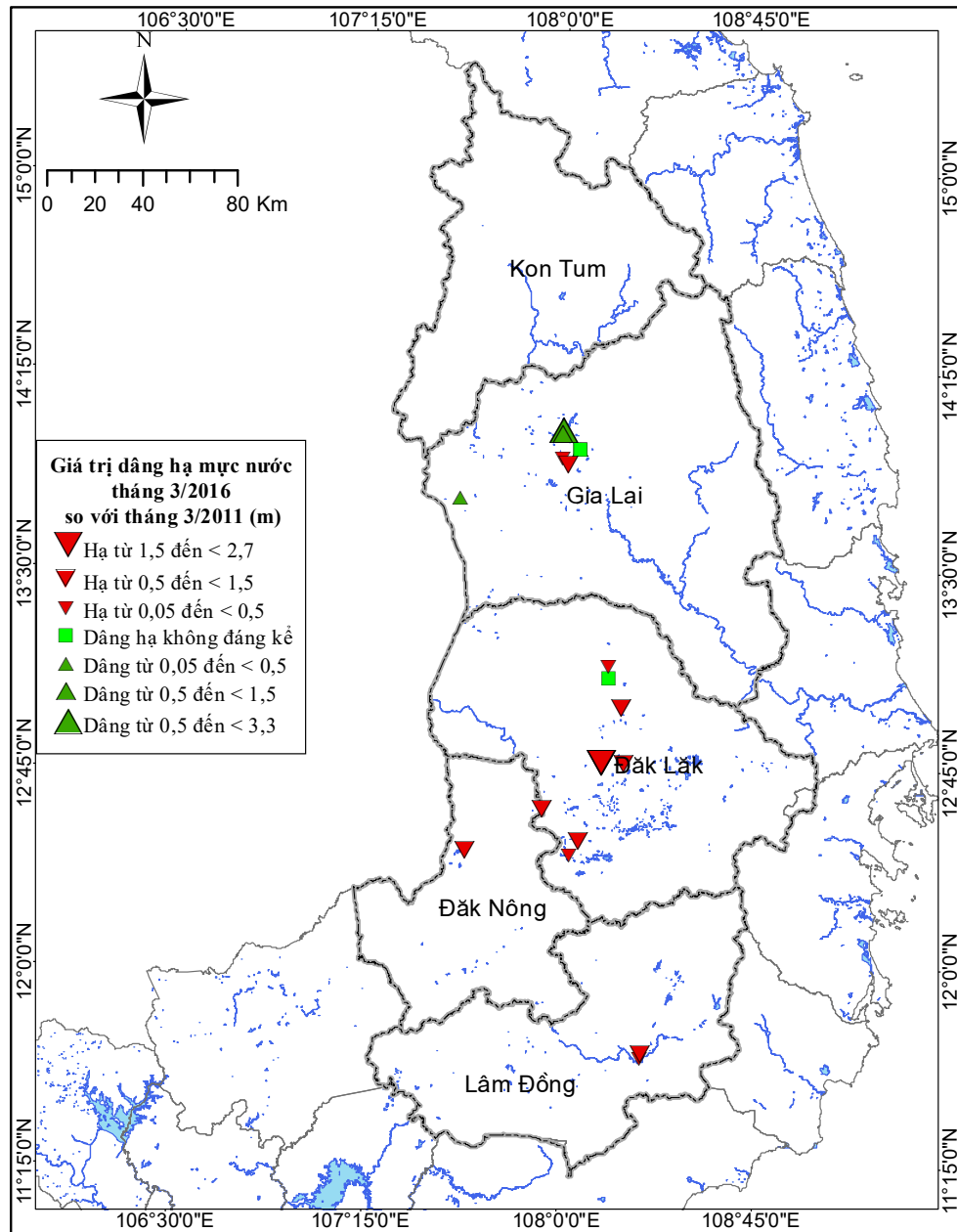
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
10 năm trước (2006)	27,27	P. Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	2,70	P. Hội Phú-TP.Pleiku-Gia Lai (LK64T)

Bảng 4. Diễn biến mực nước TB tháng 3 so với cùng thời điểm các năm trước

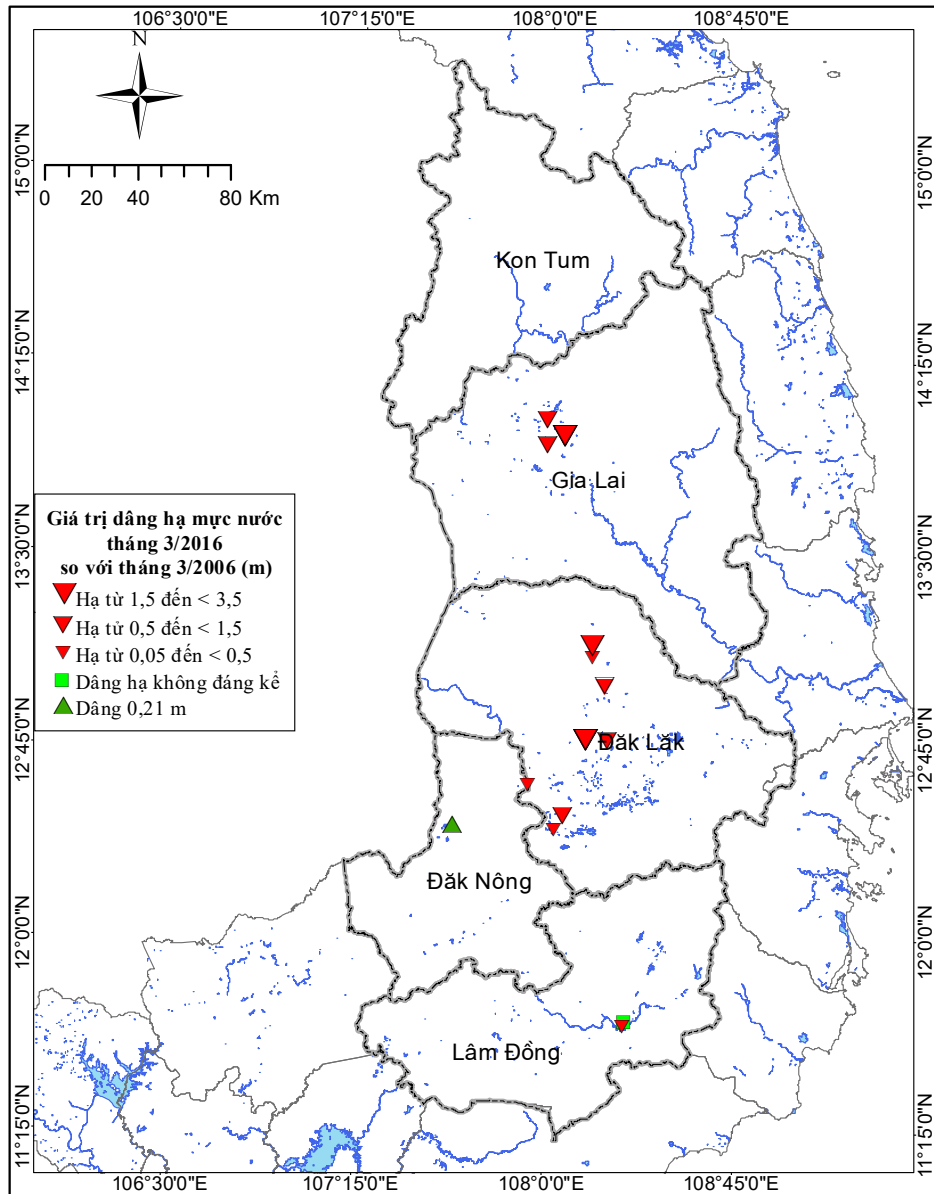
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	2,58	P. Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	0,92	TT.Ea Drăng-Ea H'leo-Đắk Lắk (LK70T)
5 năm trước (2011)	Hạ	2,61	Cuôr Đăng-Cur M'gar-Đắk Lắk (CB2-II)	3,26	Biển Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T)
10 năm trước (2006)	Hạ	3,50	Ea Nam-Ea H'leo-Đắk Lắk (LK29T)	0,21	Ea Nam-Ea H'leo-Đắk Lắk (LK29T)



Hình 6. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ năm trước



Hình 7. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 5 năm trước

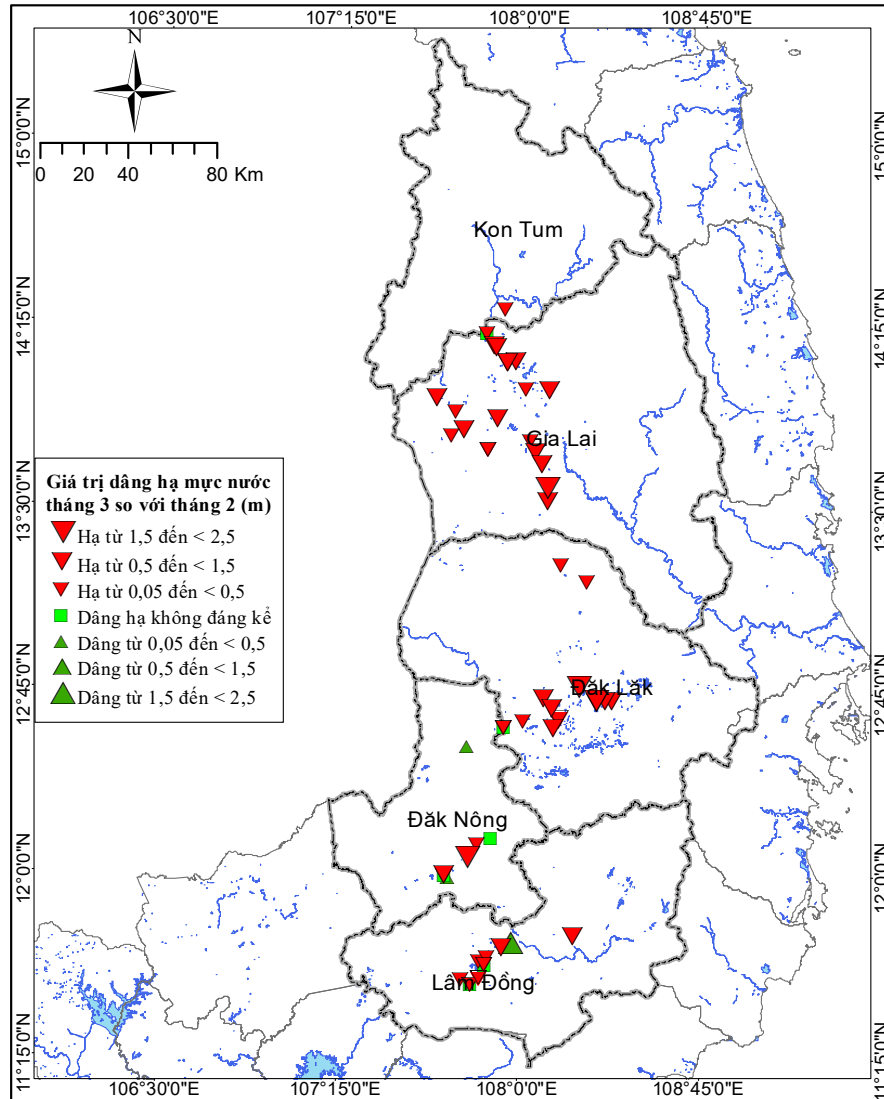


Hình 8. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 10 năm trước

I.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 3 năm 2016 so với giá trị trung bình tháng 2: mực nước có xu thế hạ chiếm ưu thế. Giá trị hạ thấp nhất là 2,47m tại Đỉnh Trang Thượng-Di Linh-Lâm Đồng (LK102T) và giá trị dâng cao nhất là 2,36 m tại Cư Bao-TX. Buôn Hồ-Đắk Lắk (C4o).

Trong tháng 3: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 126,25m tại P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,53m tại Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T).



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng βN_2-Q_1

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 5, 6 và các hình 10, 11 và 12. Đây là thời kỳ khô hạn, mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 5,95m; 5,19m và 5,61m, tại Chư Sê-Gia Lai, TX. Buôn Hồ-Đắk Lắk và Chư Pah-Gia Lai.

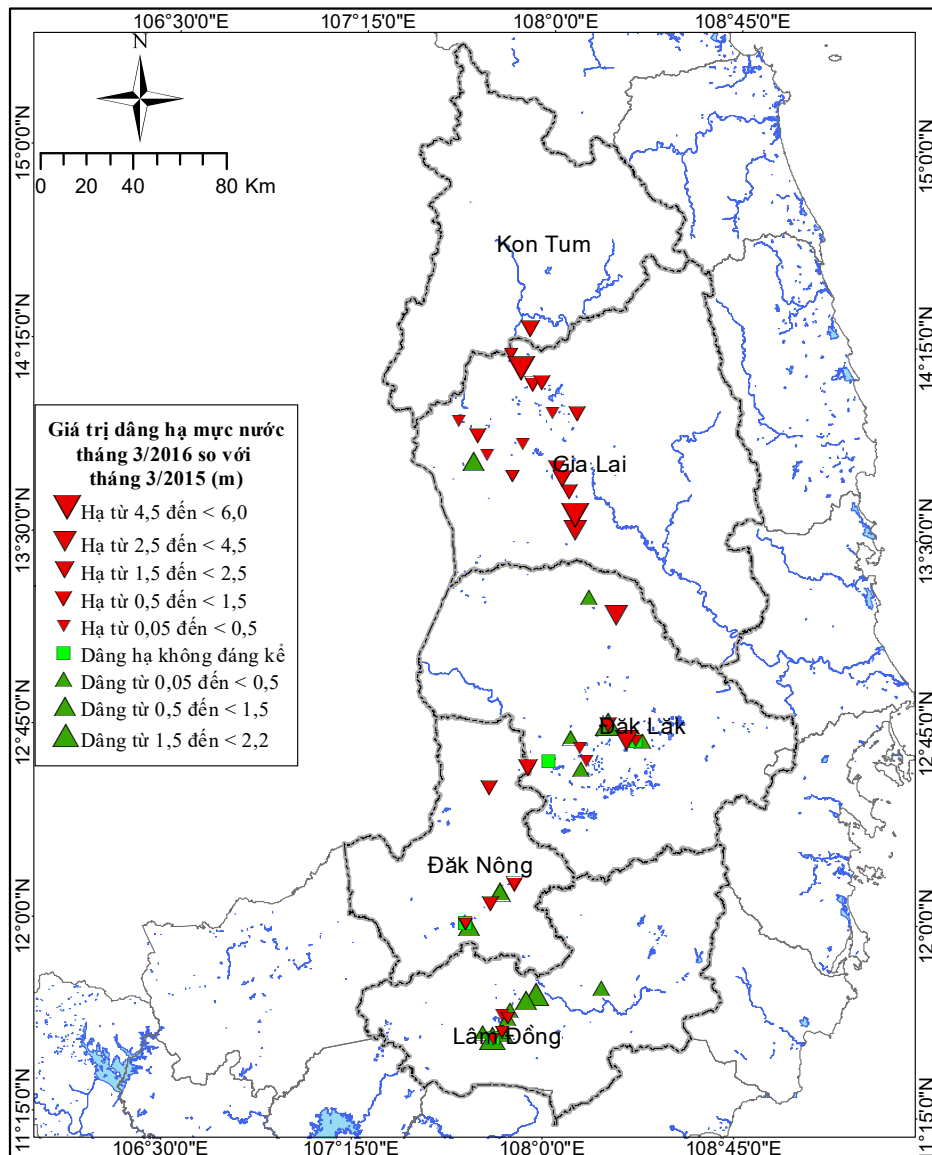
Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 3 năm 2016	126,25	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,53	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)
1 năm trước (2015)	126,29	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,38	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)
5 năm trước (2011)	126,71	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,57	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)

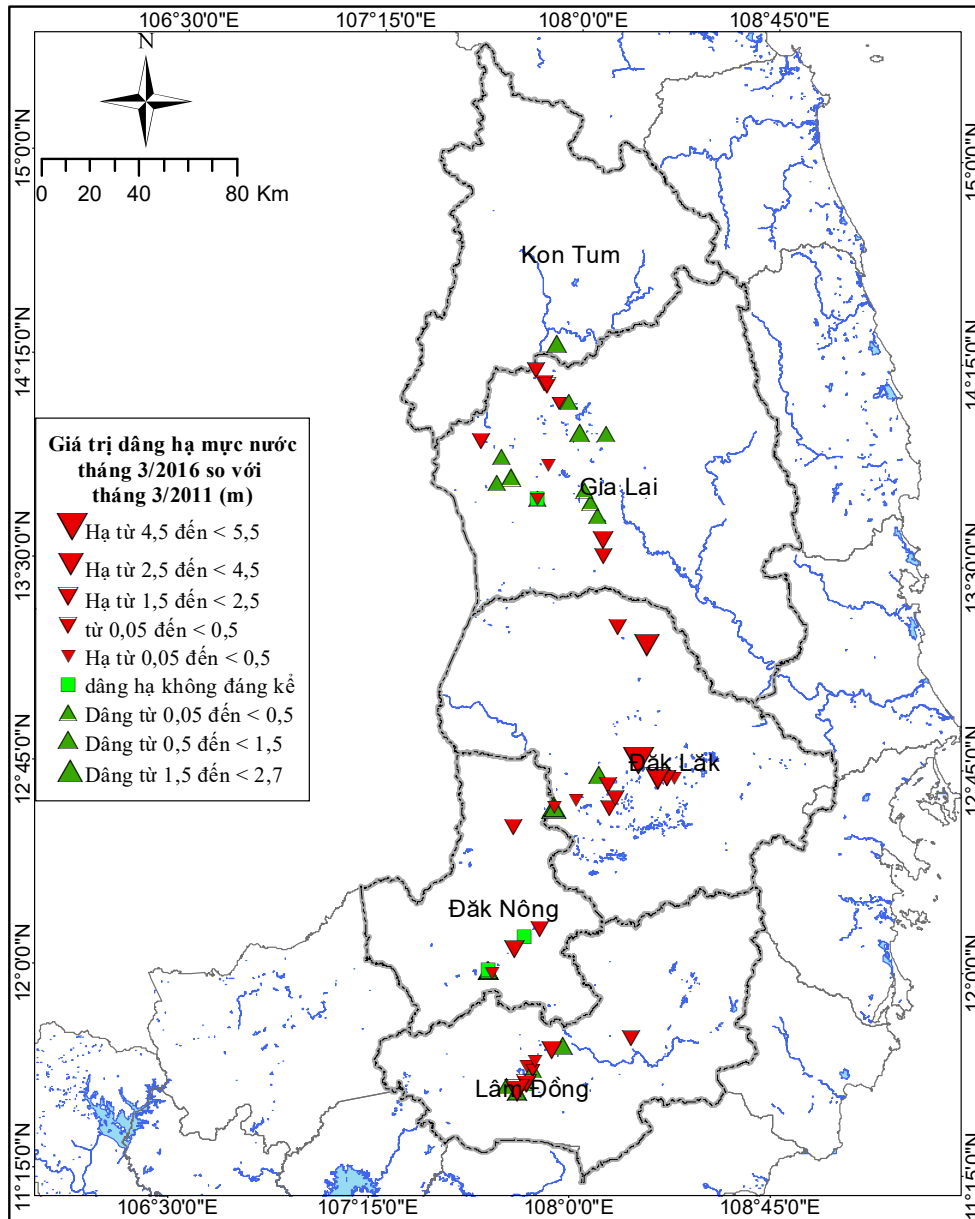
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
10 năm trước (2006)	127,68	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	1,46	Ea Knuéc-Krông Păk-Đắk Lắk (C5a)

Bảng 6. Diễn biến mực nước TB tháng 3 so với cùng thời điểm các năm trước

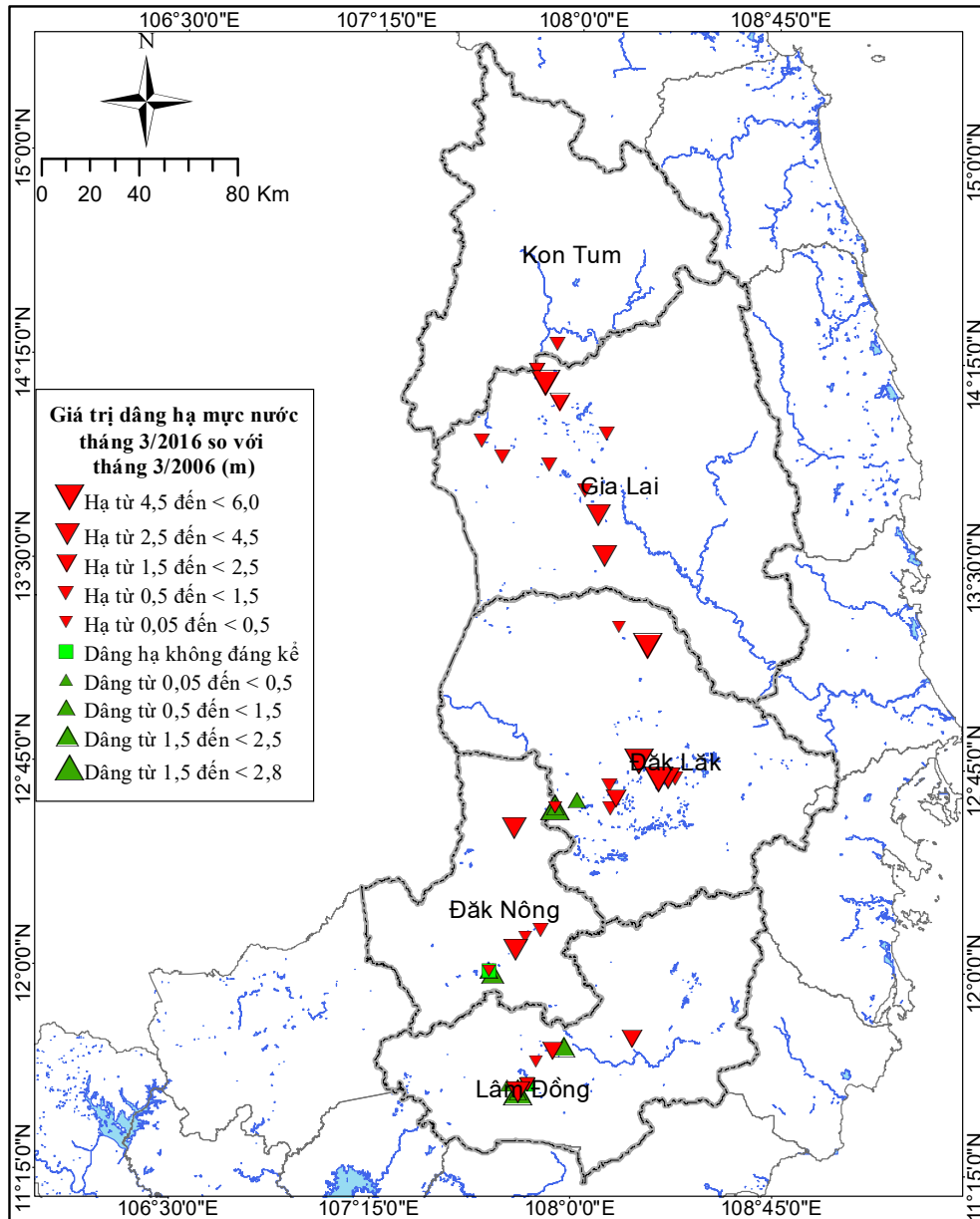
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	5,95	Hồ Nước-Chư Sê-Gia Lai (LK170T)	2,15	Cư Bao-TX. Buôn Hồ-Đắk Lắk (C4o)
5 năm trước (2011)	Hạ	5,19	Cư Bao-TX. Buôn Hồ-Đắk Lắk (C4o)	2,61	Hòa Phú-TP.Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (LK46T)
10 năm trước (2006)	Hạ	5,61	Ia Mơ Nông-Chư Pah-Gia Lai (LK63T)	5,85	Eatu-TP.Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (C15)



Hình 10. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ năm trước



Hình 11. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 5 năm trước

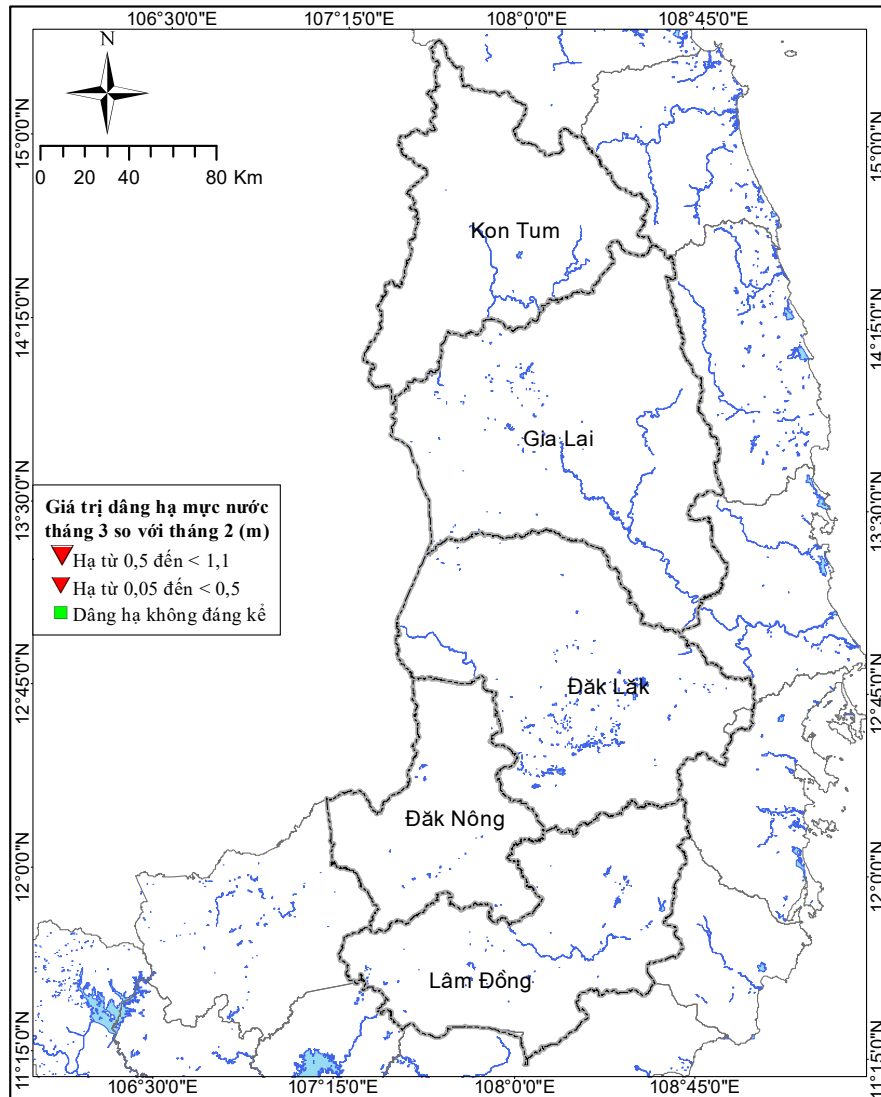


Hình 12. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 10 năm trước

1.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng via các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 3 năm 2016 so với giá trị trung bình tháng 2: mực nước có xu thế hạ chiếm ưu thế. Giá trị giá trị hạ thấp là 1,03m tại Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T).

Trong tháng 3: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 19,69m tại Ialy-Chur Pah-Gia Lai (LK62T). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,35m tại Ea Kmút-Ea Kar-Đắk Lắk (LK52T).



Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng N

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 7, 8 và các hình 14, 15 và 16. Đây là thời kỳ khô hạn, mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 1,89m; 8,07m và 7,84m, tại TP.Kon Tum-Kon Tum và Krông Pa-Gia Lai.

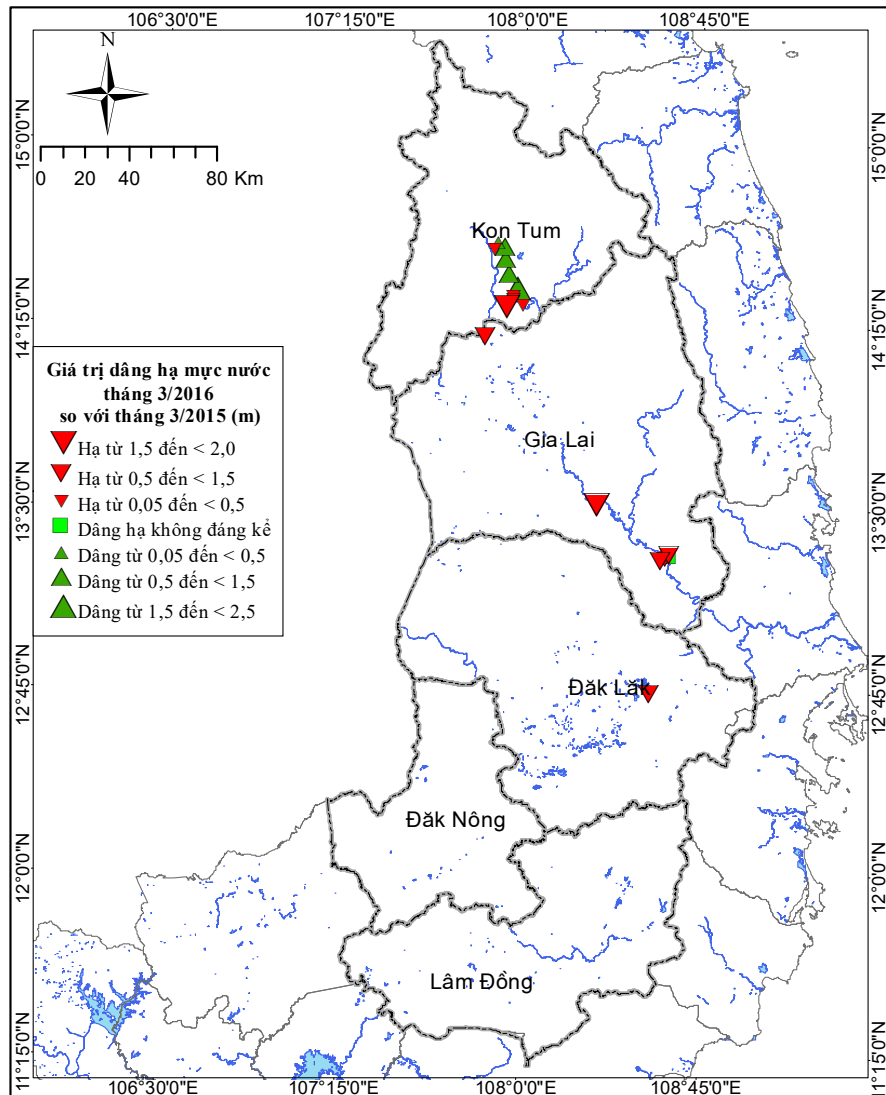
Bảng 7. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 3 năm 2016	19,69	Ialy-Chư Pah-Gia Lai (LK62T)	1,35	Ea Kmút-Ea Kar-Đắk Lắk (LK52T)
1 năm trước (2015)	19,77	Hà Mòn-Đắk Hà-Kon Tum (LK139Tm1)	0,63	Ea Kmút-Ea Kar-Đắk Lắk (LK52T)
5 năm trước (2011)	19,12	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T)	0,78	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T)

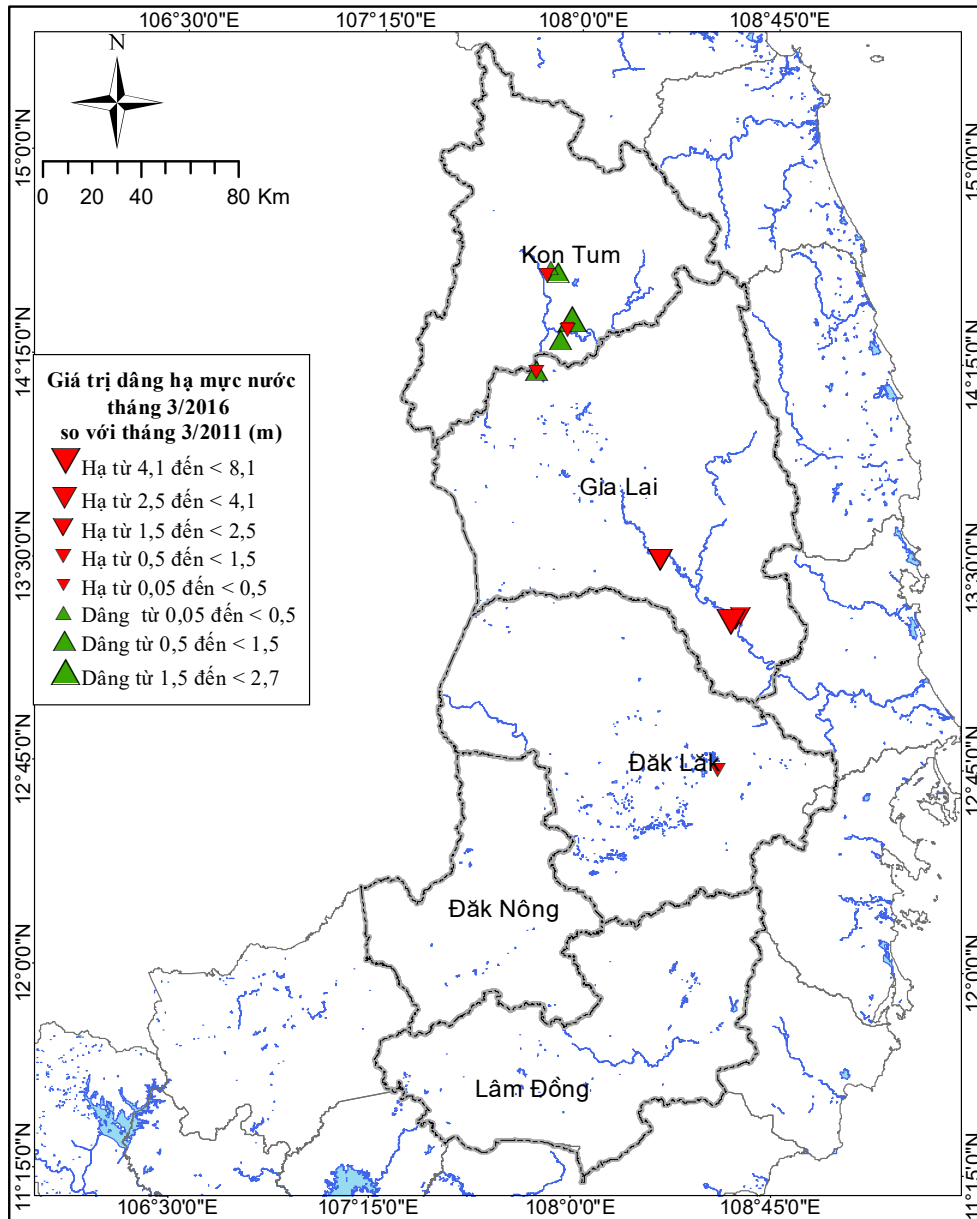
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
10 năm trước (2006)	18,04	Ialy-Chur Pah-Gia Lai (LK62T)	0,79	Ialy-Chur Pah-Gia Lai (LK62T)

Bảng 8. Diễn biến mực nước TB tháng 3 so với cùng thời điểm các năm trước

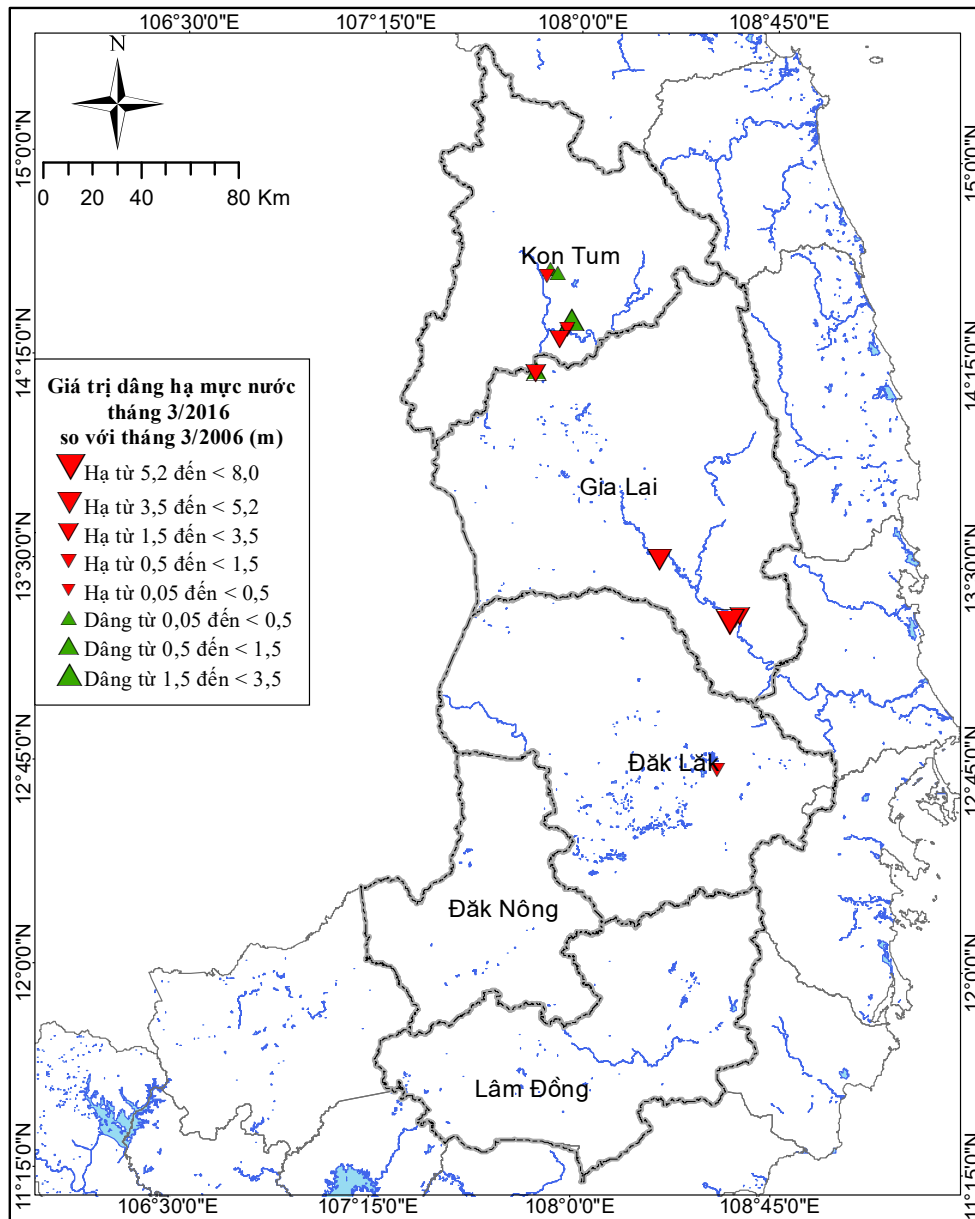
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	1,89	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T)	2,57	Vinh Quang-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK140T)
5 năm trước (2011)	Hạ	8,07	Ia RSuon-Krông Pa-Gia Lai (LK31T)	2,64	Ia RSuon-Krông Pa-Gia Lai (LK31T)
10 năm trước (2006)	Hạ	7,84	Ia RSuon-Krông Pa-Gia Lai (LK31T)	3,37	Vinh Quang-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK140T)



Hình 14. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ năm trước



Hình 15. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 5 năm trước



Hình 16. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với cùng kỳ 10 năm trước

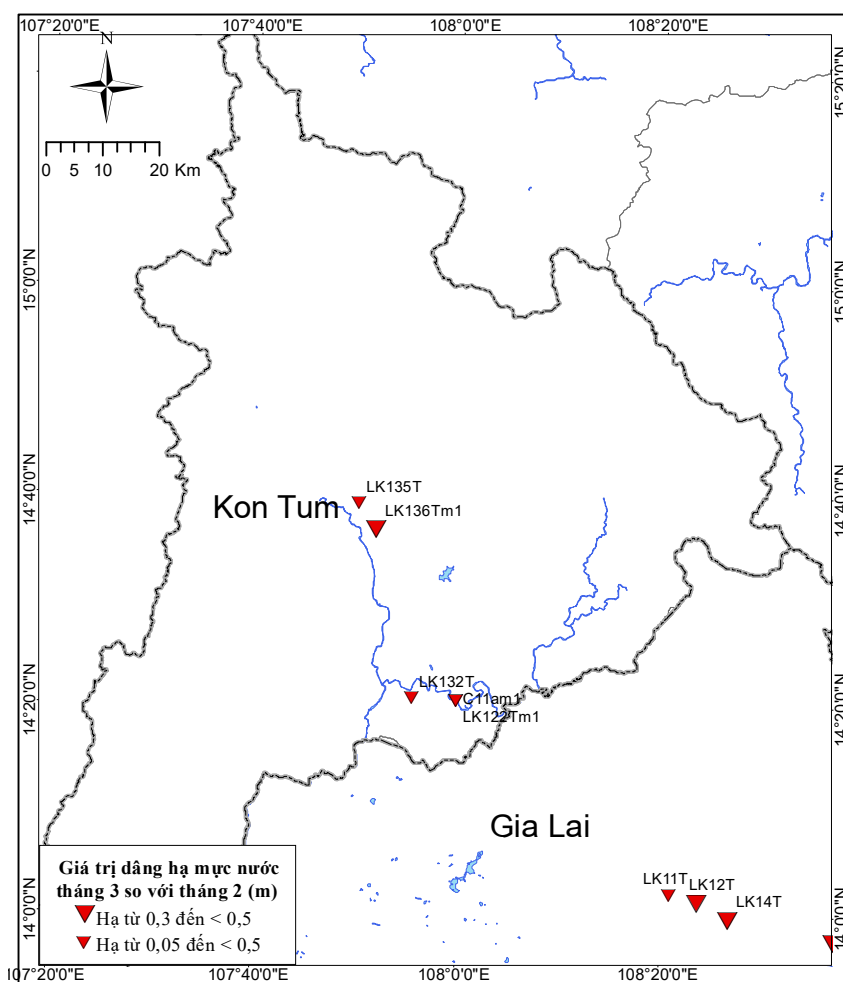
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh

II.1. Tỉnh Kon Tum

II.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

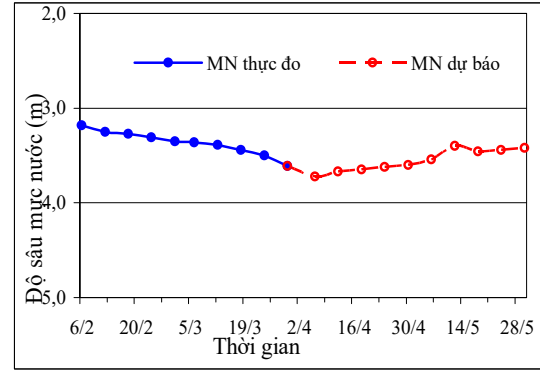
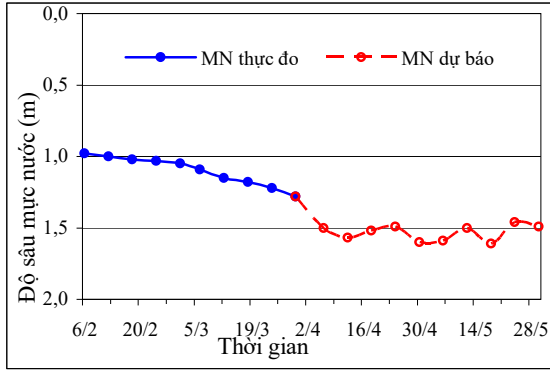
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 0,42m tại Đắc Năng-TP.Kon Tum (LK132T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,16m tại Ia Chim-TP.Kon Tum (LK132T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,81m tại P.Quyết Thắng-TP.Kon Tum (LK122Tm1).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng Q

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 18 và bảng 9).



(a) xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK132T)

(b) TT.Đăk Tô, huyện Đăk Tô (LK135T)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

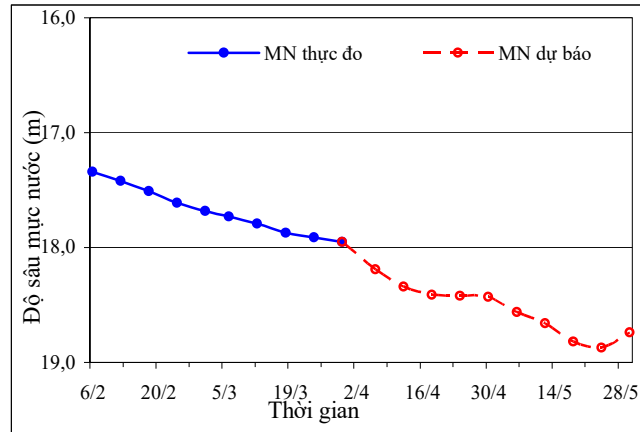
Ngày	Xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK132T)			TT.Đăk Tô, huyện Đăk Tô (LK135T)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	1,09	1,50	1,59	3,36	3,72	3,54
12	1,15	1,57	1,50	3,39	3,67	3,40
18	1,18	1,52	1,61	3,44	3,65	3,46
24	1,22	1,49	1,46	3,50	3,62	3,44
30	1,28	1,60	1,49	3,61	3,60	3,42
TB	1,18	1,54	1,53	3,46	3,65	3,45

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.1.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

Theo kết quả quan trắc tại Ia Chim-TP.Kon Tum (LK130T) mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Mực nước trung bình tháng là 17,85m.

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK130T như sau (xem hình 19 và bảng 10).



Hình 19. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

Ngày	Xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK130T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
6	17,73	18,19	18,56
12	17,79	18,34	18,66
18	17,87	18,41	18,82
24	17,91	18,42	18,87
30	17,95	18,43	18,74
TB	17,85	18,36	18,73

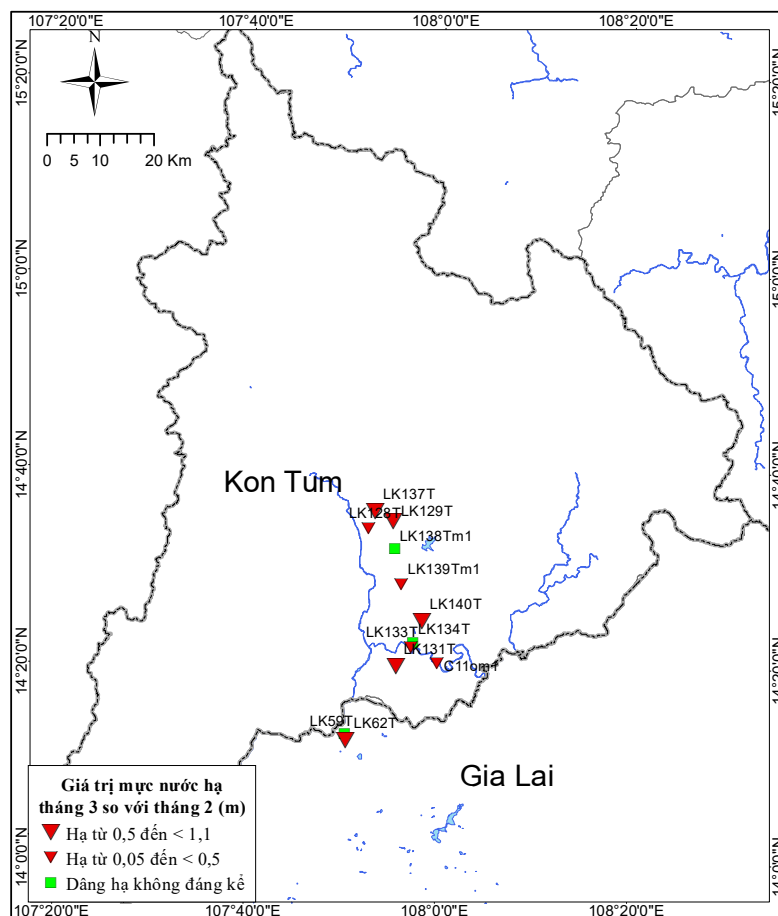
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.1.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

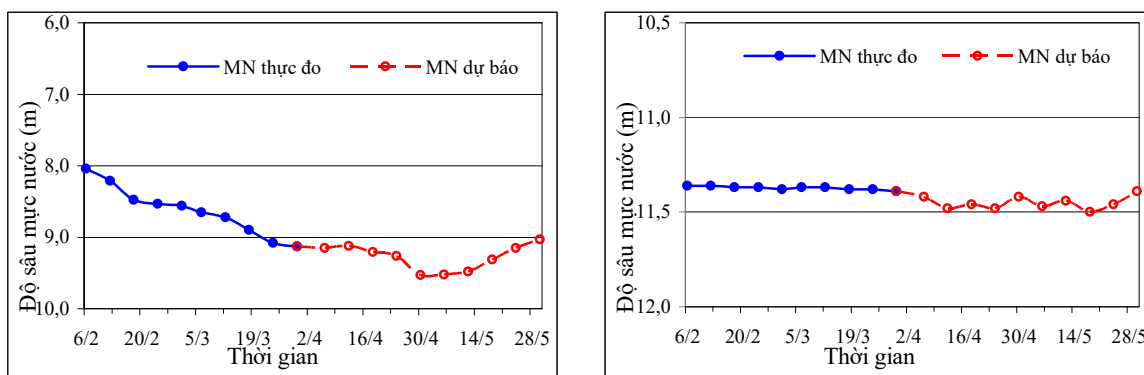
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ chiếm ưu thế so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 1,03m tại Đăk Năng-TP.Kon Tum (LK131T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,75m tại TT.Đăk Mra-Đăk Hà (LK138Tm1) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 18,79m tại Hà Mòn-Đăk Hà (LK139Tm1).

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 21 và bảng 11).



Hình 20. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng N



(a) xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà (LK129T) (b) xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK134T)

Hình 21. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	Xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà (LK129T)			Xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK134T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	8,65	9,15	9,52	11,37	11,42	11,47
12	8,72	9,12	9,48	11,37	11,48	11,44

Ngày	Xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà (LK129T)			Xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK134T)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
18	8,90	9,21	9,31	11,38	11,46	11,50
24	9,08	9,26	9,15	11,38	11,48	11,46
30	9,13	9,53	9,03	11,39	11,42	11,39
TB	8,90	9,25	9,30	11,38	11,45	11,45

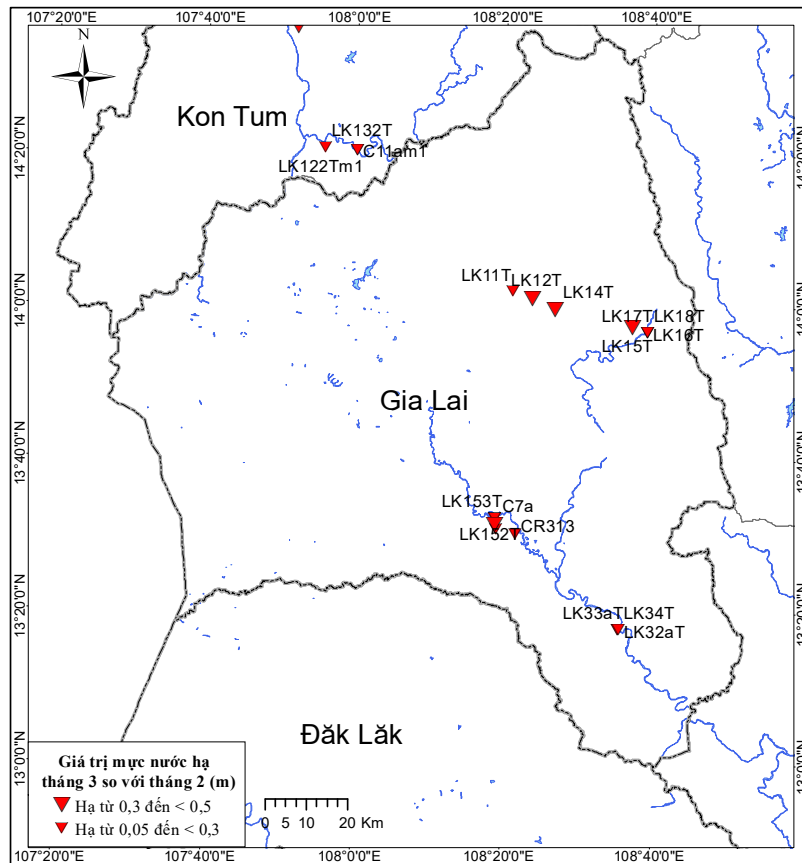
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2. Tỉnh Gia Lai

II.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

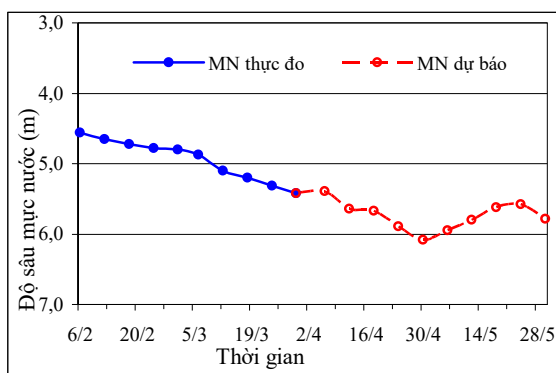
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 0,47m tại Hà Tam-Đăk Pơ (LK14T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 3,25m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (CB1-IV) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 7,38m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (LK153T).

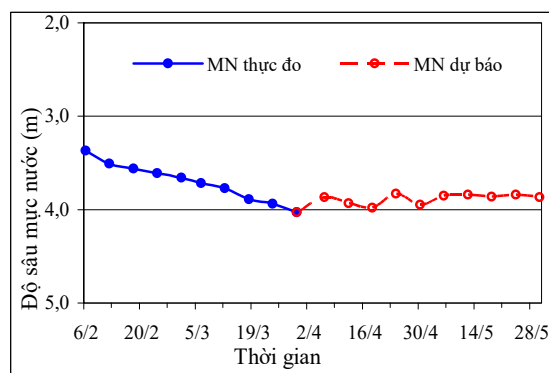


Hình 22. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng Q

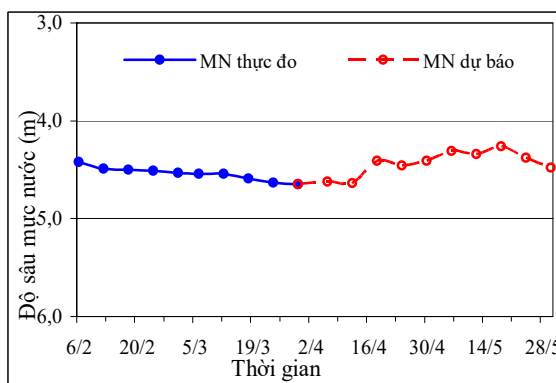
Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ là chính. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 23 và bảng 12).



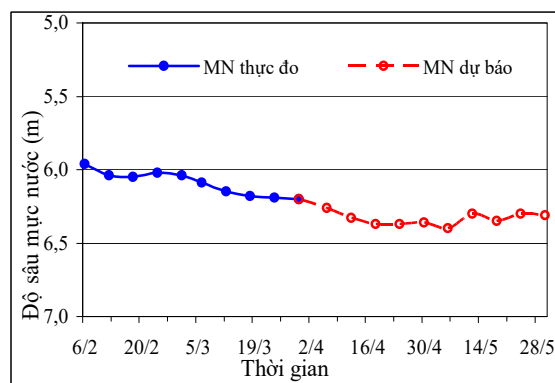
(a) TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7a)



(b) xã Hra, huyện Mang Yang (LK12T)



(c) P. An Bình, TX. An Khê (LK18T)



(d) xã Ia Rsuon, huyện Krông Pa (LK32aT)

Hình 23. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7a)			Xã Hra, huyện Mang Yang (LK12T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	4,87	5,39	5,95	3,72	3,87	3,85
12	5,10	5,64	5,80	3,77	3,93	3,84
18	5,20	5,67	5,62	3,89	3,98	3,86
24	5,31	5,89	5,58	3,94	3,83	3,84
30	5,42	6,08	5,78	4,03	3,95	3,87
TB	5,18	5,73	5,75	3,87	3,91	3,85

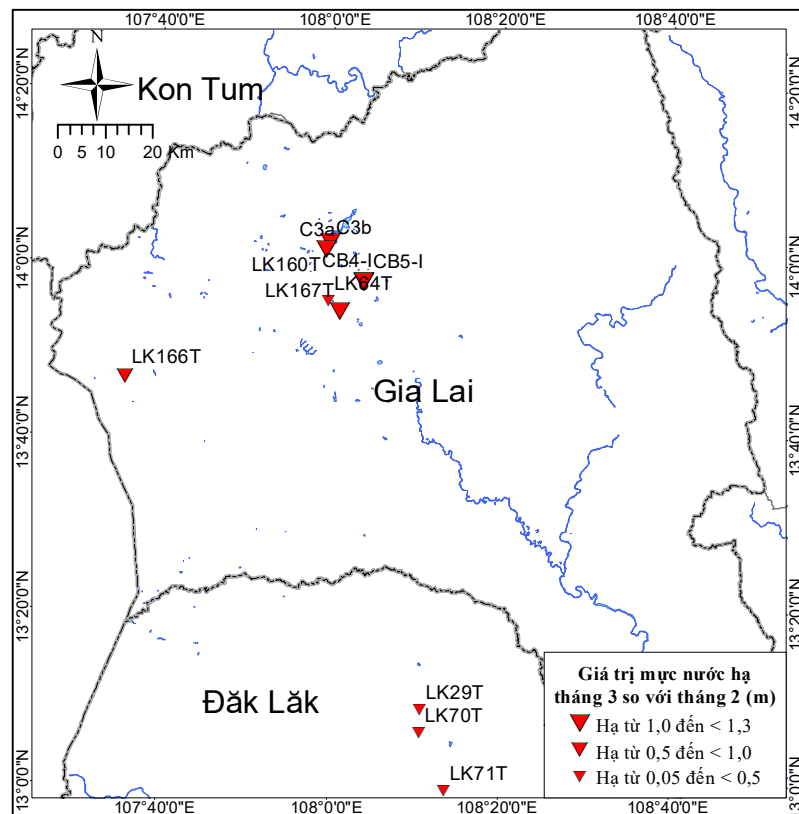
Ngày	P.An Bình, TX.An Khê (LK18T)			Xã Ia Rsuron, huyện Krông Pa (LK32aT)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	4,54	4,62	4,31	6,09	6,26	6,40
12	4,54	4,64	4,34	6,15	6,33	6,30
18	4,59	4,41	4,26	6,18	6,37	6,35
24	4,63	4,46	4,38	6,19	6,37	6,30
30	4,65	4,41	4,48	6,20	6,36	6,31
TB	4,59	4,51	4,35	6,16	6,34	6,33

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (β_{QII})

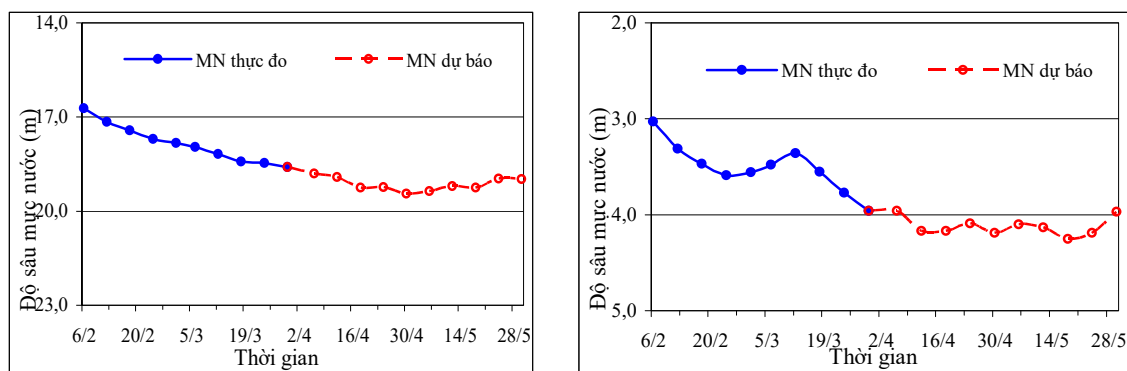
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 1,29m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku (C3b)

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 2,83m tại Biển Hồ-TP.Pleiku (LK159T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 27,45m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku (C3b).



Hình 24. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng β_{QII}

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 25 và bảng 13).



(a) P. Yên Thế, TP. Pleiku (C3a)

(b) P. Phú Hội, TP. Pleiku (LK64T)

Hình 25. Dự báo độ sâu mực nước tầng βQ_{II}

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng βQ_{II} (m)

Ngày	P. Yên Thế, TP. Pleiku (C3a)			P. Phú Hội, TP. Pleiku (LK64T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	17,96	18,80	19,37	3,48	3,96	4,10
12	18,18	18,92	19,21	3,36	4,17	4,13
18	18,42	19,25	19,25	3,55	4,17	4,25
24	18,46	19,24	18,96	3,77	4,09	4,19
30	18,60	19,45	18,98	3,96	4,19	3,97
TB	18,32	19,13	19,15	3,62	4,12	4,13

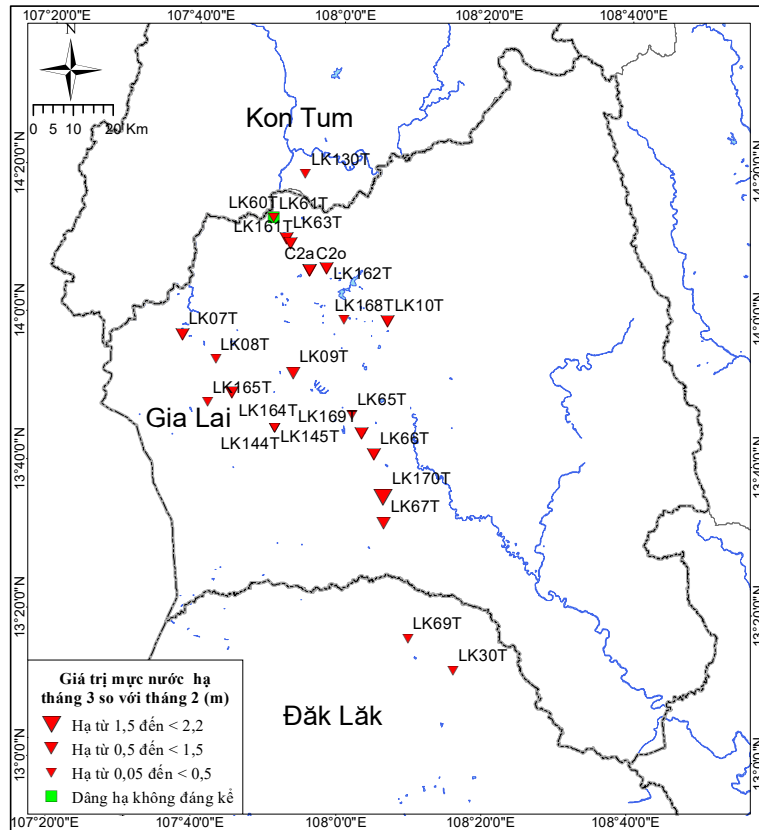
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)

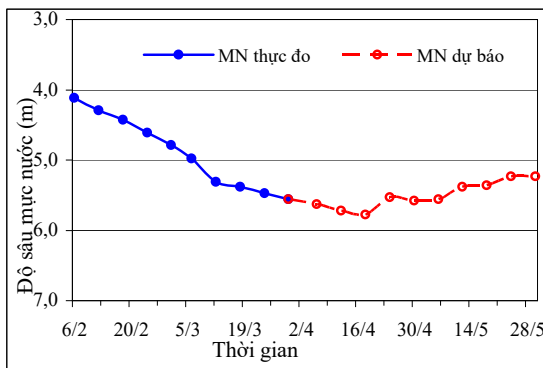
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 2,17m tại Hồ Nước-Chư Sê (LK170T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,53m tại Ia Drăng-Chư Prông (LK144T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 33,44m tại TT.Chư Ty-Đức Cơ (LK165T).

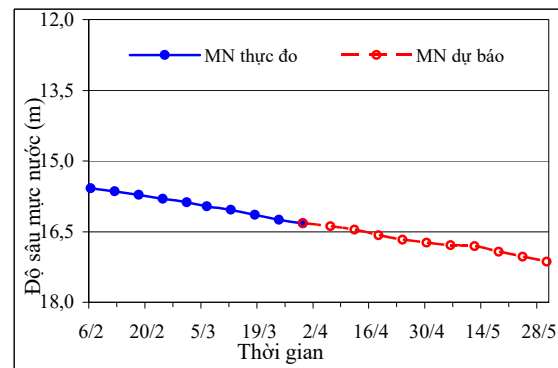
Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ là chính. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 27 và bảng 14).



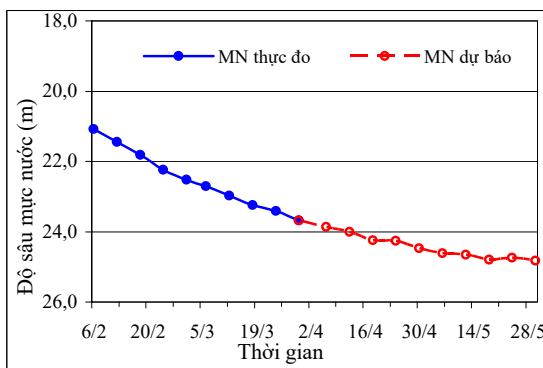
Hình 26. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tăng βN_2-Q_1



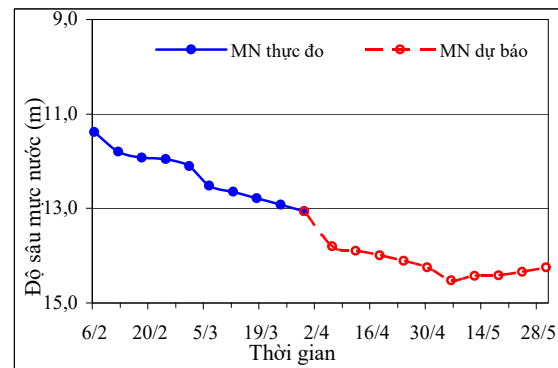
(a) xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Pah (C2a)



(b) xã Ia Dom, huyện Đức Cơ (LK08T)



(c) TT.Đắk Đoa, huyện Đắk Đoa (LK10T)



(d) TT.Chư Sê, huyện Chư Sê (LK66T)

Hình 27. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

Ngày	Xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Pah (C2a)			Xã Ia Dom, huyện Đức Cơ (LK08T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	4,98	5,63	5,56	15,96	16,39	16,79
12	5,31	5,72	5,38	16,04	16,46	16,81
18	5,38	5,78	5,36	16,15	16,58	16,93
24	5,47	5,53	5,23	16,25	16,67	17,04
30	5,56	5,58	5,23	16,33	16,74	17,14
TB	5,34	5,65	5,35	16,15	16,57	16,94
Ngày	TT.Đắk Đoa, huyện Đắk Đoa (LK10T)			TT.Chư Sê, huyện Chư Sê (LK66T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	22,71	23,86	24,62	12,52	13,80	14,52
12	22,97	24,00	24,66	12,65	13,90	14,43
18	23,25	24,25	24,80	12,78	13,99	14,42
24	23,42	24,26	24,74	12,92	14,11	14,34
30	23,68	24,47	24,82	13,06	14,25	14,25
TB	23,21	24,17	24,73	12,79	14,01	14,39

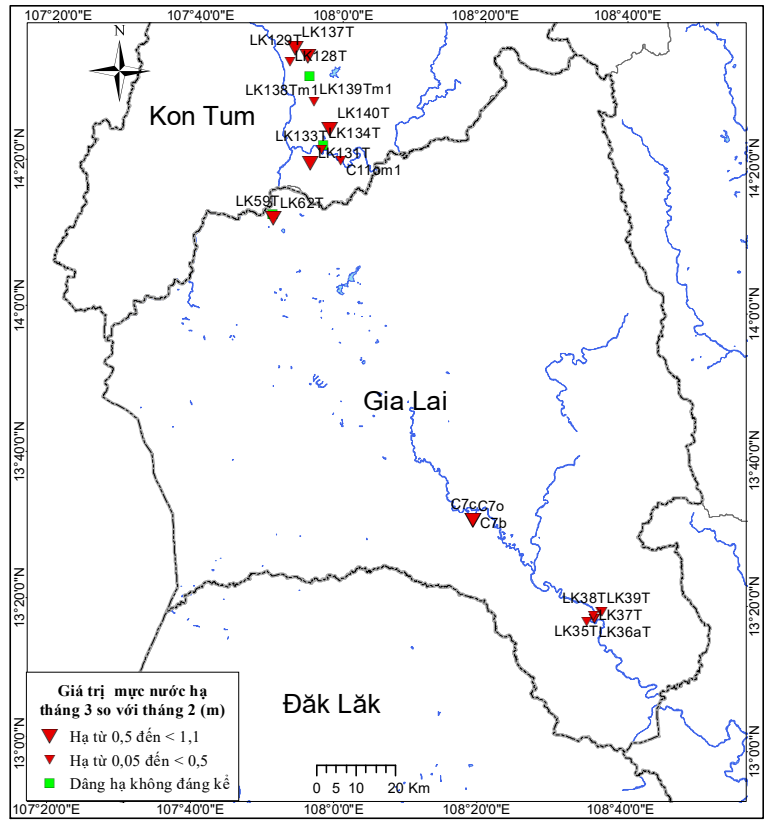
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

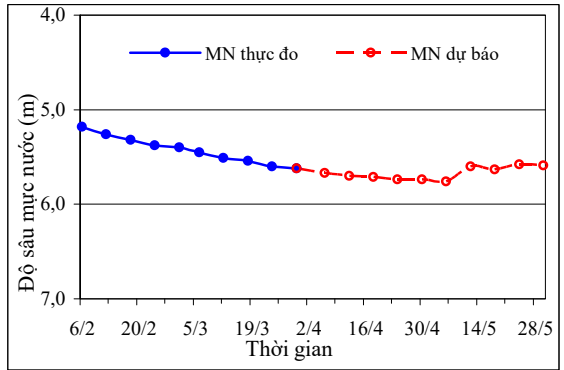
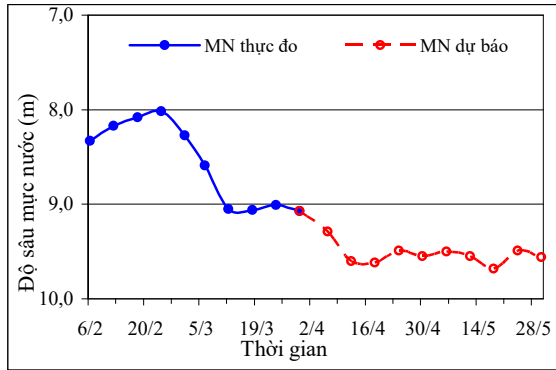
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 0,69m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (C7b) và có một công trình có mực nước dâng hạ không đáng kể 0,01m tại Ialy-Chư Pah (LK59T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,55m tại Ialy-Chư Pah (LK59T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 19,69m tại Ia ly-Chư Pah (LK62T).

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 29 và bảng 15).

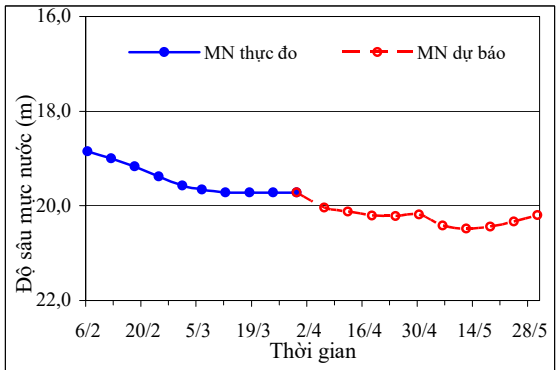


Hình 28. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tăng N



(a) TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7b)

(b) xã Chư Rcam, huyện Krông Pa (LK39T)



(c) xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Pah (LK62T)

Hình 29. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	TT.Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7b)			Xã Chư Rcam, huyện Krông Pa (LK39T)			Xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Pah (LK62T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	8,59	9,29	9,50	5,45	5,67	5,76	19,66	20,04	20,42
12	9,05	9,60	9,55	5,51	5,70	5,60	19,72	20,12	20,48
18	9,06	9,62	9,68	5,54	5,71	5,63	19,72	20,21	20,44
24	9,01	9,49	9,49	5,60	5,74	5,58	19,72	20,22	20,34
30	9,07	9,55	9,56	5,62	5,74	5,59	19,72	20,19	20,20
TB	8,96	9,51	9,56	5,54	5,71	5,63	19,71	20,16	20,38

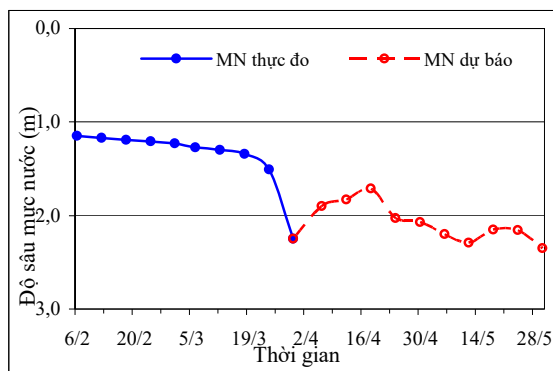
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3. Tình Đắc Lắc

II.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Theo kết quả quan trắc tại Quảng Điền- Krông Ana (LK76T) mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Mực nước trung bình tháng là 1,53m.

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại điểm đặc trưng như sau (xem hình 30 và bảng 16).



Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK76T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
6	1,27	1,90	2,20
12	1,30	1,83	2,29
18	1,34	1,71	2,15

Ngày	Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK76T)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
24	1,51	2,03	2,16
30	2,25	2,07	2,35
TB	1,53	1,91	2,23

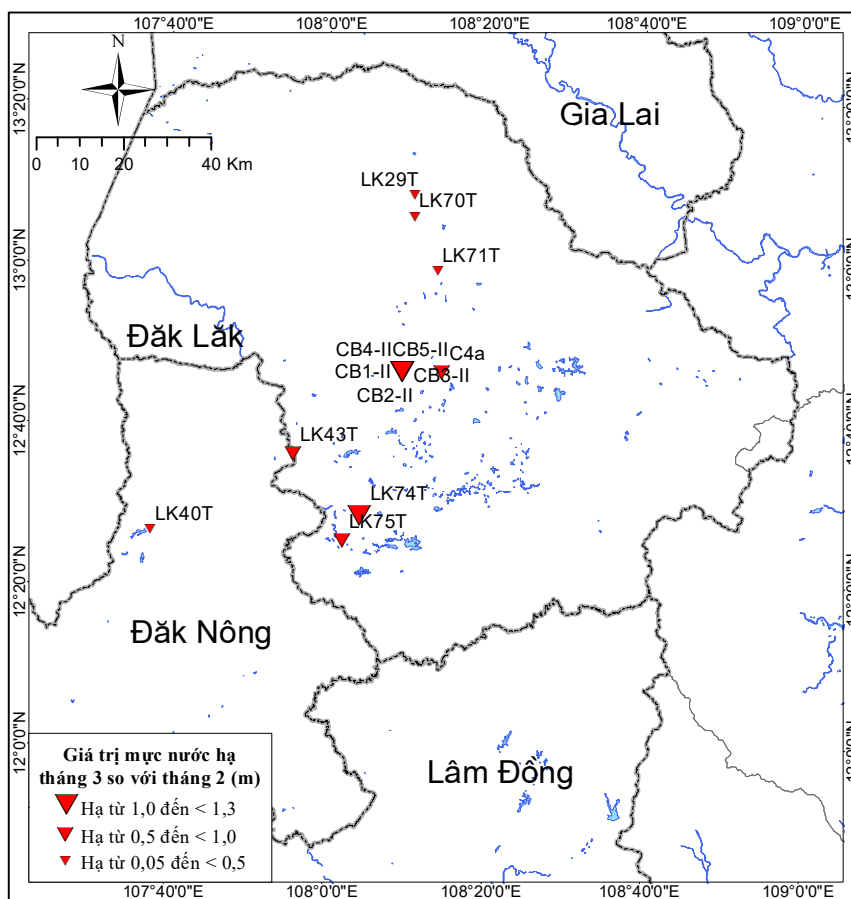
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (β_{QII})

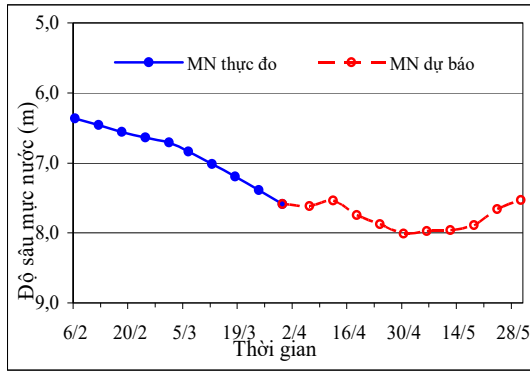
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 1,19m tại Cuôr Đăng-Cur M'gar (CB5-II).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 5,84m tại Quảng Điền-Krông Ana (LK75T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 22,08m tại TT.Ea Drăng-EaH'leo (LK71T).

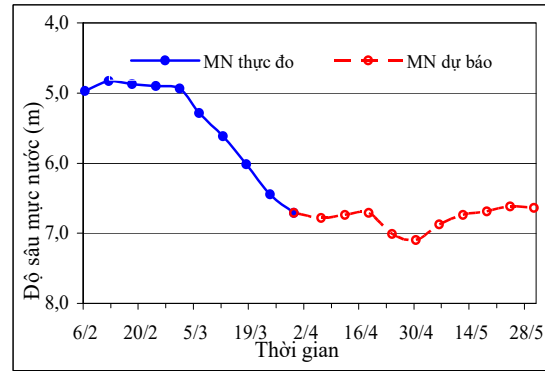
Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mức nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 32 và bảng 17).



Hình 31. Sơ đồ diễn biến mức nước tháng 3 tầng β_{QII}



(a) xã Cư Bao, TX.Buôn Hồ (C4a)



(b) xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK75T)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tầng βQ_{II}

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng βQ_{II} (m)

Ngày	Xã Cư Bao, TX.Buôn Hồ (C4a)			Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK75T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	6,84	7,62	7,98	5,29	6,78	6,88
12	7,02	7,54	7,96	5,62	6,74	6,74
18	7,20	7,75	7,89	6,02	6,71	6,69
24	7,39	7,88	7,66	6,45	7,01	6,62
30	7,59	8,01	7,53	6,71	7,10	6,64
TB	7,21	7,76	7,80	6,02	6,87	6,71

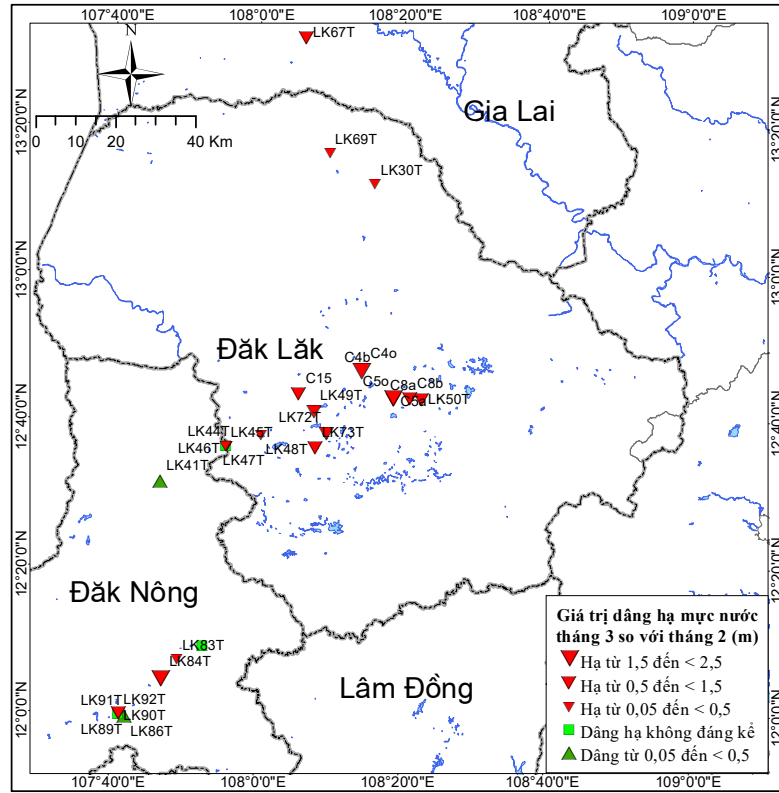
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

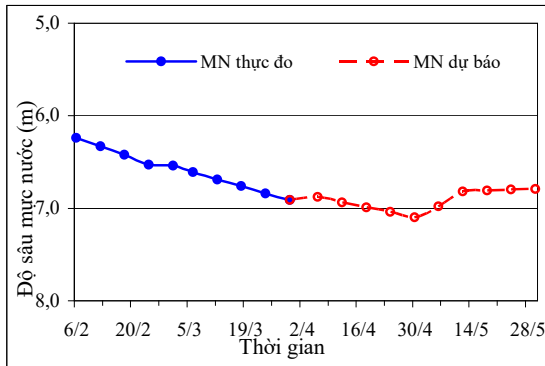
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 2,36m tại Cư Bao-TX. Buôn Hồ (C4a).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,75m tại Hòa Phú-TP.Buôn Ma Thuột (LK46T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 50,82m tại Eatu-TP.Buôn Ma Thuột (C15).

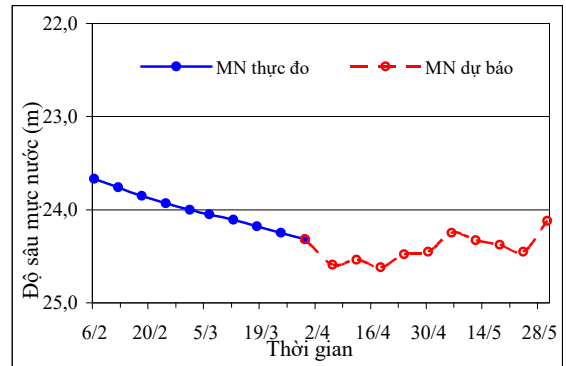
Dự báo: Trong tháng 4 mực nước có xu hướng hạ và tăng dần vào tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 34 và bảng 18).



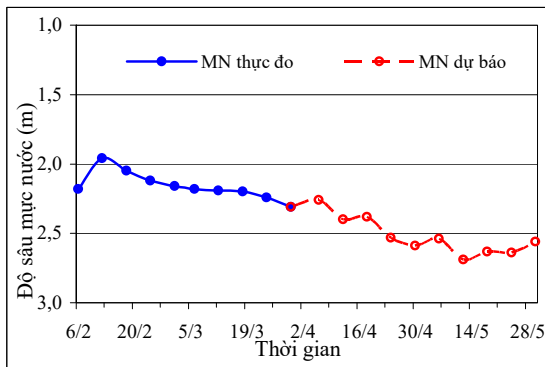
Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tăng βN_2-Q_1



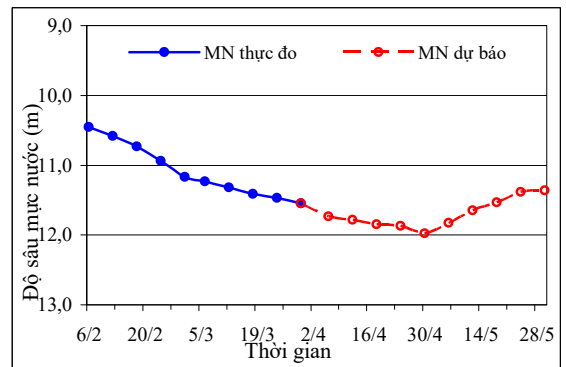
(a) xã Ea Pê, huyện Krông Pắc (C8a)



(b) xã Ea Sol, huyện Ea leo (LK30T)



(c) P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột (LK48T)



(d) xã Ea Ktua, huyện Cư Kuin (LK72T)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tăng βN_2-Q_1

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I (m)

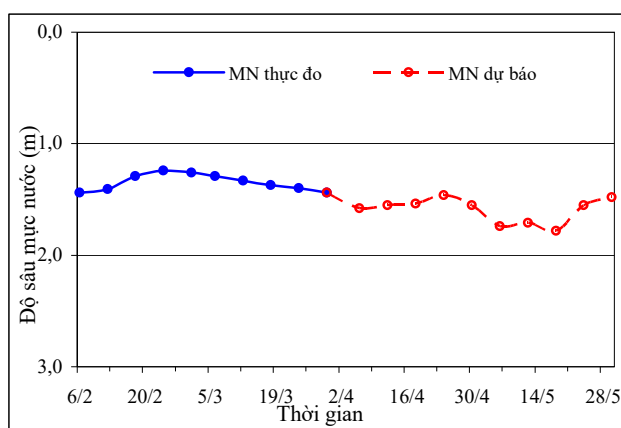
Ngày	Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc (C8a)			Xã Ea Sol, huyện Ea Hleo (LK30T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	6,61	6,88	6,98	24,05	24,59	24,25
12	6,69	6,94	6,82	24,11	24,54	24,33
18	6,76	6,99	6,81	24,18	24,62	24,38
24	6,84	7,04	6,80	24,25	24,48	24,45
30	6,91	7,10	6,79	24,32	24,45	24,12
TB	6,76	6,99	6,84	24,18	24,54	24,31
Ngày	P. Khánh Xuân, TP.Buôn Ma Thuột (LK48T)			Xã Ea Ktua, huyện Cư Kuin (LK72T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	2,18	2,26	2,54	11,23	11,73	11,83
12	2,19	2,40	2,69	11,32	11,78	11,65
18	2,20	2,38	2,63	11,41	11,85	11,53
24	2,24	2,53	2,64	11,47	11,87	11,38
30	2,31	2,59	2,56	11,55	11,98	11,36
TB	2,22	2,43	2,61	11,40	11,84	11,55

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

Theo kết quả quan trắc tại Ea Kmut- Ea Kar (LK52T) mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ không đáng kể so với trung bình tháng 2. Mực nước trung bình tháng là 1,37m.

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK52T như sau (xem hình 35 và bảng 19).



Hình 35. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar (LK52T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
6	1,29	1,58	1,74
12	1,33	1,55	1,71
18	1,37	1,54	1,78
24	1,40	1,46	1,55
30	1,44	1,55	1,48
TB	1,37	1,54	1,65

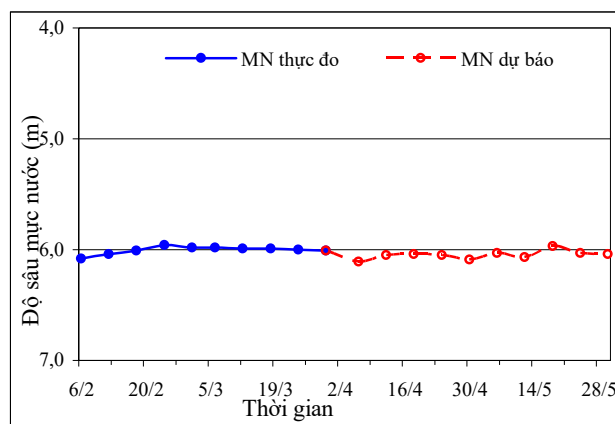
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.4. Tỉnh Đắk Nông

II.4.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Theo kết quả quan trắc tại Đắk Nang - Krông Nô (LK79T) mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng dâng không đáng kể so với trung bình tháng 2. Mực nước trung bình tháng là 5,99m.

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK79T như sau (xem hình 36 và bảng 20).



Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	Xã Đắk Nang, huyện Krông Nô (LK79T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
6	5,98	6,11	6,03

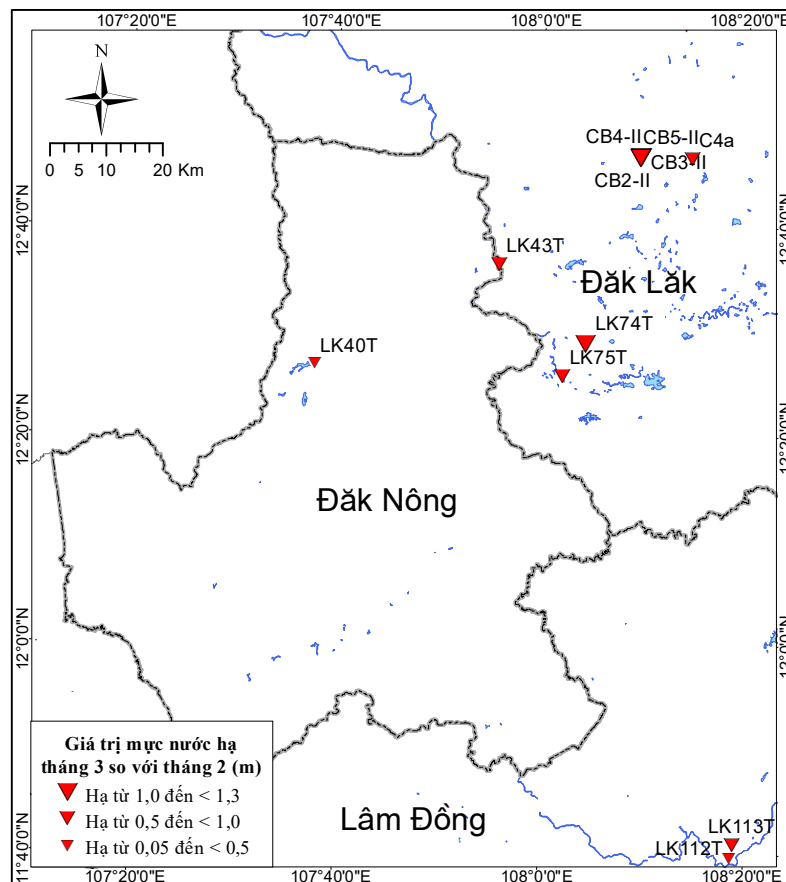
Ngày	Xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
12	5,99	6,05	6,07
18	5,99	6,04	5,97
24	6,00	6,05	6,03
30	6,01	6,09	6,04
TB	5,99	6,07	6,03

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.4.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})

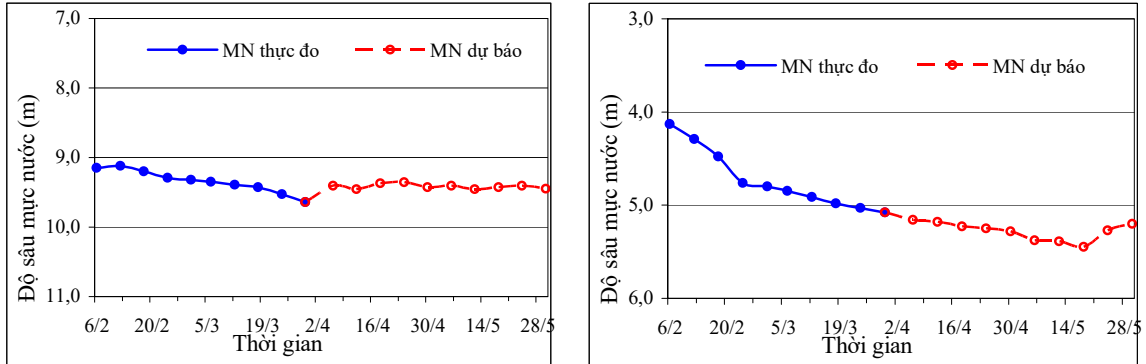
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 0,53m tại Tâm Thắng-Cư Jut (LK43T)

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 4,94m tại Tâm Thắng-Cư Jut (LK43T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 9,44m tại Đắc Lao, Đắc Mil (LK40T).



Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng βQ_{II}

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 38 và bảng 21).



(a) xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil (LK40T) (b) xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng β_{QII}

Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng β_{QII} (m)

Ngày	Xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil (LK40T)			Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	9,35	9,41	9,41	4,85	5,16	5,38
12	9,39	9,46	9,46	4,91	5,18	5,39
18	9,43	9,37	9,43	4,98	5,23	5,45
24	9,53	9,36	9,41	5,03	5,25	5,27
30	9,64	9,43	9,45	5,08	5,28	5,20
TB	9,47	9,41	9,43	4,97	5,22	5,34

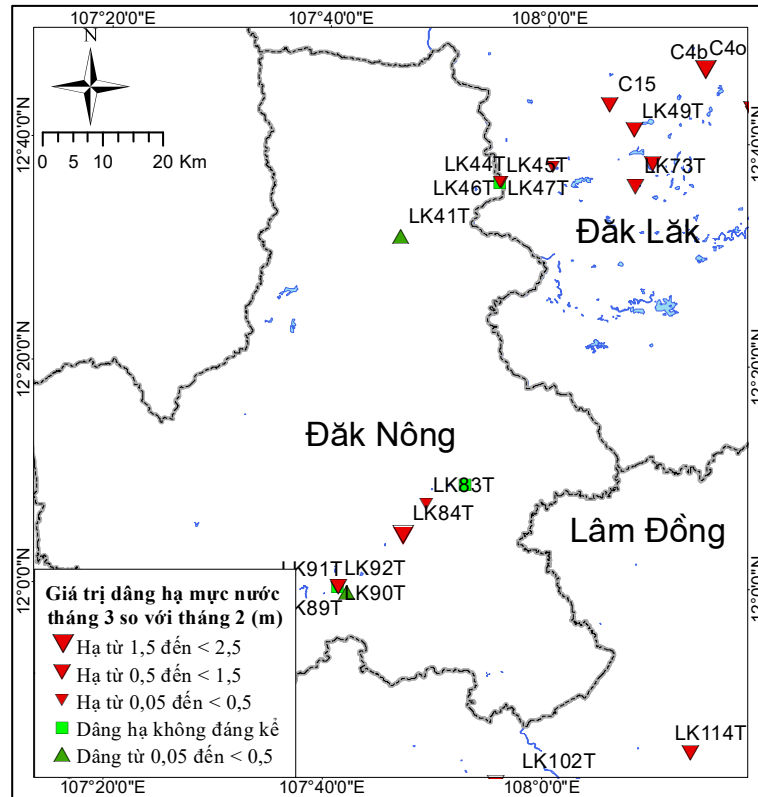
Cảnh báo: Không có cảnh báo

II.4.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (β_{N2-Q1})

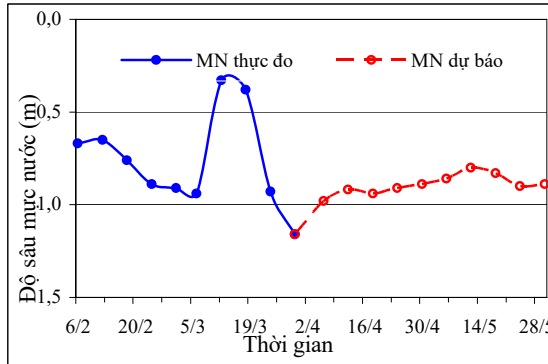
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ chiếm ưu thế so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 1,62m tại Đắc Ha-Đắc Glong (LK84T) và giá trị dâng cao nhất là 0,40m tại P.Nghĩa Trung-TX.Gia Nghĩa (LK86T) .

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,78m tại Quảng Sơn-Đắc Glong (LK45T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 22,63m tại P.Nghĩa Trung-TX.Gia Nghĩa (LK86T).

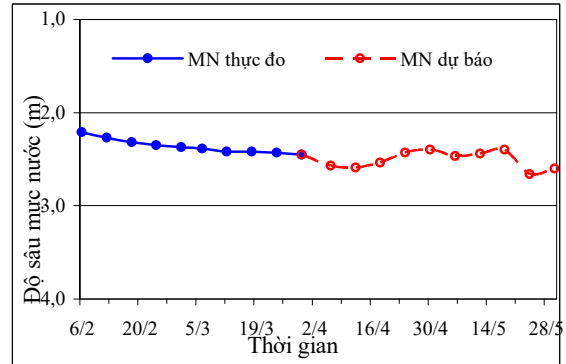
Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 40 và bảng 22).



Hình 39. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng βN_2-Q_1



(a) xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)



(b) xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)

Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 22. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

Ngày	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)			Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	0,94	0,98	0,86	2,39	2,57	2,47
12	0,33	0,92	0,80	2,42	2,59	2,44
18	0,38	0,94	0,83	2,42	2,54	2,40

Ngày	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)			Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)		
	Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 3	Mức nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
24	0,93	0,91	0,90	2,43	2,43	2,66
30	1,16	0,89	0,89	2,45	2,40	2,60
TB	0,75	0,93	0,86	2,42	2,51	2,51

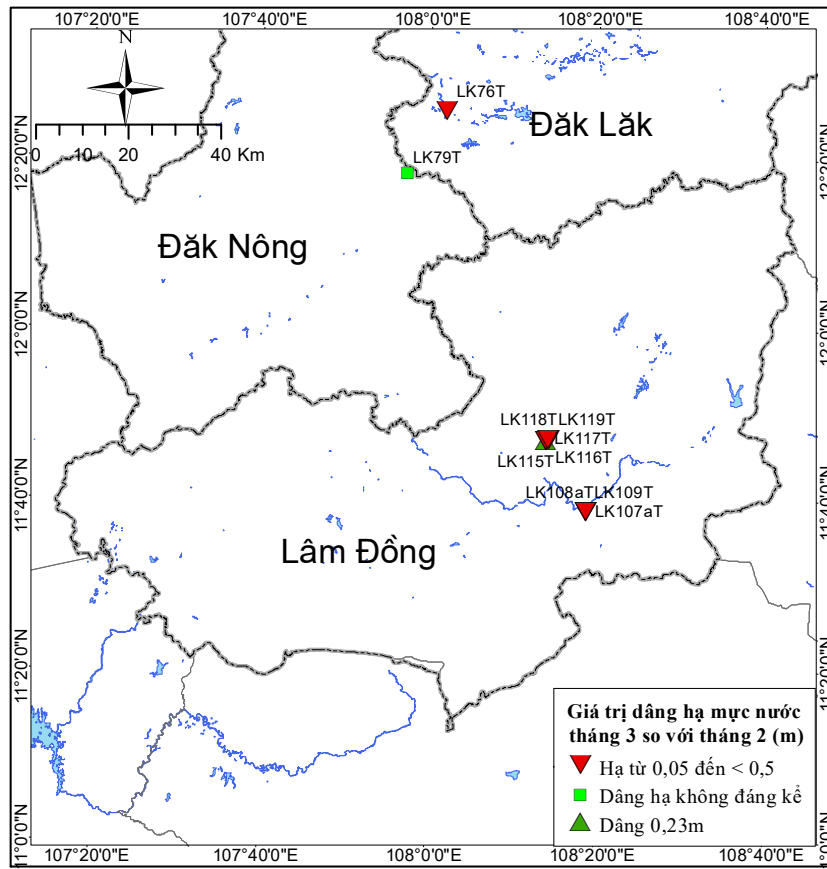
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5. Tỉnh Lâm Đồng

II.5.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

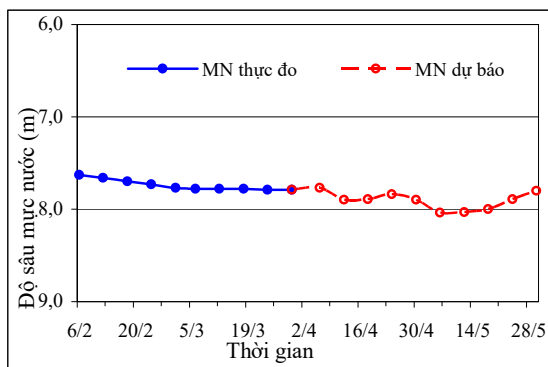
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 0,32m tại TT.Đỉnh Văn-Lâm Hà (LK118T) và có một công trình có mực nước dâng là 0,23m Tân Văn-Lâm Hà (LK117T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 1,22m tại Tân Văn-Lâm Hà (LK117T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 9,82m tại Ninh Gia-Đức Trọng (LK107aT).

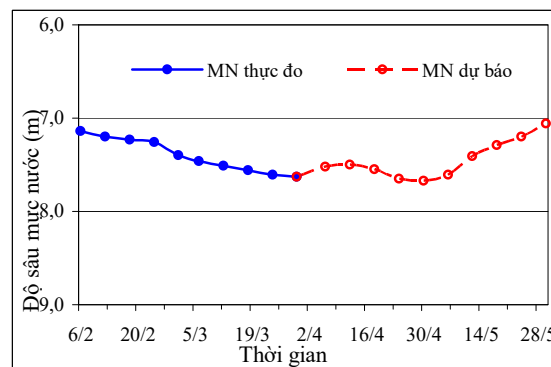


Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng Q

Dự báo: Trong tháng 4 mực nước có xu hướng hạ và dâng dần vào tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 42 và bảng 23).



(a) xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (LK108aT)



(b) TT.Đình Văn, huyện Lâm Hà (LK118T)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 23. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

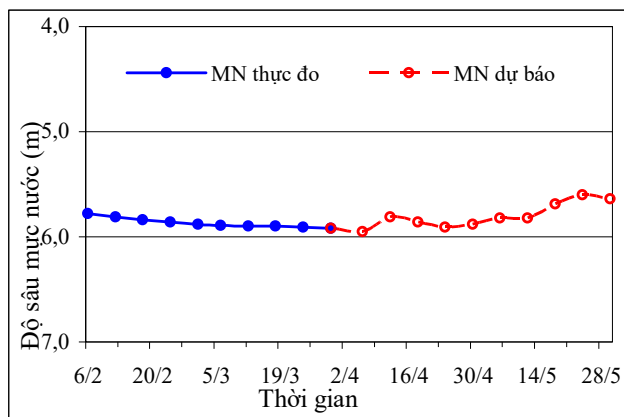
Ngày	Xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (LK108aT)			TT.Đình Văn, huyện Lâm Hà (LK118T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	7,78	7,77	8,04	7,46	7,52	7,61
12	7,78	7,90	8,03	7,51	7,50	7,41
18	7,78	7,89	8,00	7,56	7,55	7,29
24	7,79	7,84	7,89	7,61	7,65	7,20
30	7,79	7,90	7,80	7,63	7,67	7,06
TB	7,78	7,86	7,95	7,55	7,58	7,31

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hồng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQII)

Theo kết quả quan trắc tại Phú Hội- Đức Trọng (LK112T) mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Mực nước trung bình tháng là 5,90m.

Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 nhìn chung mực nước có xu hướng dâng song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK112T như sau (xem hình 43 và bảng 24).



Hình 43. Dự báo độ sâu mực nước tầng βQ_{II}

Bảng 24. Độ sâu mực nước tầng βQ_{II} (m)

Ngày	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng (LK112T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5
6	5,89	5,95	5,82
12	5,90	5,81	5,82
18	5,90	5,86	5,69
24	5,91	5,91	5,60
30	5,92	5,88	5,64
TB	5,90	5,88	5,71

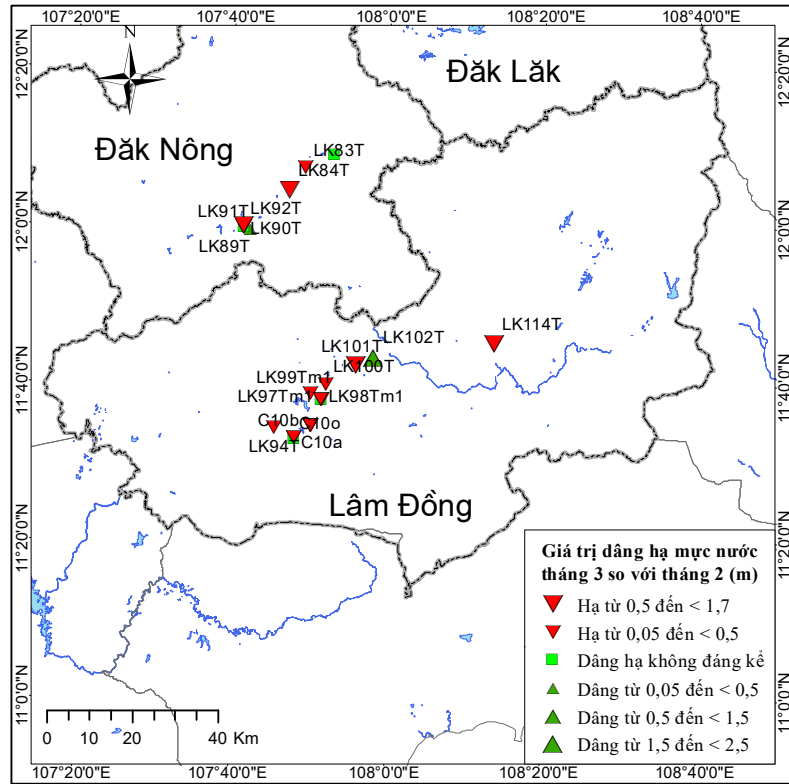
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

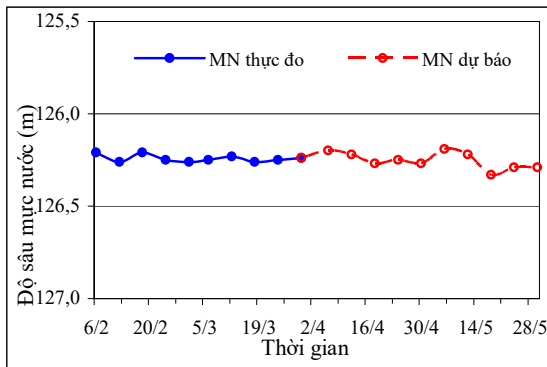
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 năm 2016 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 2. Giá trị hạ thấp nhất là 1,37m tại Tân Văn-Lâm Hà (LK114T) và có một công trình có mực nước dâng là 0,38m tại Lộc Ngãi-Bảo Lâm (LK96Tm1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,06m tại Lộc Tân-Bảo Lâm (LK94T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 126,23m tại P.2-TP.Bảo Lộc (C10o).

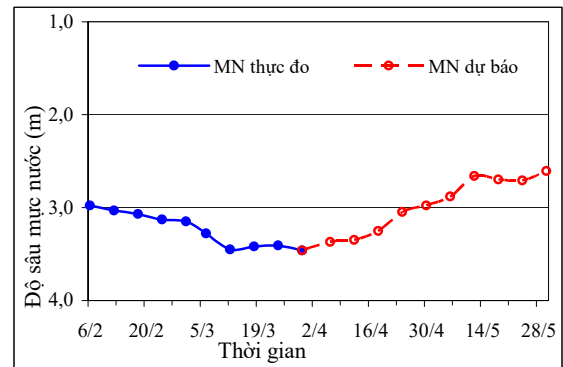
Dự báo: Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 45 và bảng 25).



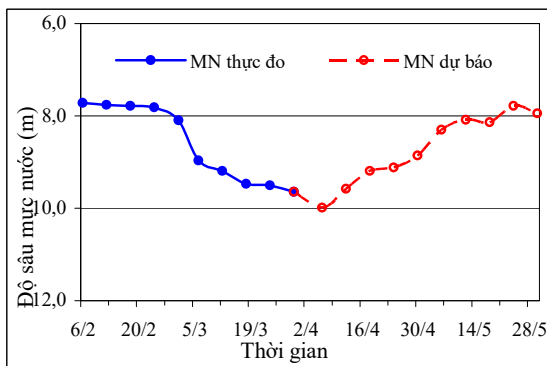
Hình 44. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng βN_2-Q_I



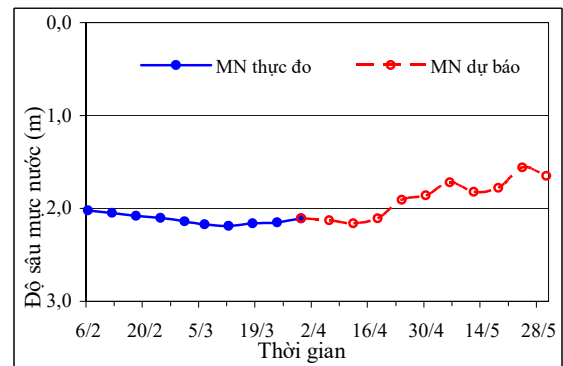
(a) Phường 2, TP.Bảo Lộc (C10o)



(b) xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm (LK100T)



(c) xã Tân Văn, huyện Lâm Hà (LK114T)



(d) xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm (LK94T)

Hình 45. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I

Bảng 25. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I (m)

Ngày	Phường 2, TP.Bảo Lộc (C10o)			Xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm (LK100T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	126,25	126,20	126,19	3,28	3,37	2,88
12	126,23	126,22	126,22	3,45	3,35	2,66
18	126,26	126,27	126,33	3,42	3,25	2,70
24	126,25	126,25	126,29	3,41	3,05	2,71
30	126,24	126,27	126,29	3,46	2,98	2,61
TB	126,25	126,24	126,26	3,40	3,20	2,71
Ngày	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà (LK114T)			Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm (LK94T)		
	Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 3	Mực nước dự báo	
		Tháng 4	Tháng 5		Tháng 4	Tháng 5
6	8,97	9,99	8,30	2,17	2,13	1,72
12	9,19	9,58	8,09	2,19	2,16	1,82
18	9,47	9,19	8,14	2,16	2,11	1,78
24	9,50	9,12	7,78	2,15	1,91	1,56
30	9,65	8,86	7,95	2,11	1,86	1,65
TB	9,36	9,35	8,05	2,16	2,03	1,71

Cảnh báo: Không có cảnh báo.